

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH**

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 09030000060 đăng ký lần đầu ngày 31/12/2004 cấp ngày 31 tháng 12 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần 4 số 2700224471 cấp ngày 18 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp)



**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**  
**TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

(Quyết định chấp thuận niêm yết số:...../QĐ-SGDHN do.....cấp ngày ... tháng. . . năm .... )

*Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:*

**1. Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình**

Địa chỉ: Xã Ninh An, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: (030) 3610024; 3610863

Fax: (030) 3610013

Website: [www.niferco.com.vn](http://www.niferco.com.vn)

**2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội**

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3936 6321

Fax: (84.4) 3936 6318

Website: [www.ssi.com.vn](http://www.ssi.com.vn)

*Phụ trách công bố thông tin:*

Họ tên: Dương Như Đức

Điện thoại: (030)3610862

Chức vụ: Kế toán trưởng



## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH**

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 09030000060 đăng ký lần đầu ngày 31/12/2004 cấp ngày 31 tháng 12 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần 4 số 2700224471 cấp ngày 18 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp)

**Địa chỉ:** Xã Ninh An, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình

**Điện thoại:** (84.30) 3610007, Fax: (84.30) 3610013

**Website:** [www.niferco.com.vn](http://www.niferco.com.vn)

## **NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

<b>Tên cổ phiếu:</b>	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình
<b>Loại cổ phiếu:</b>	Cổ phiếu phổ thông
<b>Mã cổ phiếu:</b>	NFC
<b>Mệnh giá:</b>	10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
<b>Tổng số lượng niêm yết:</b>	10.487.551 cổ phiếu
<b>Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá):</b>	104.875.510.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh tư tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm mười nghìn đồng).

### **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**

#### **CÔNG TY TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**

<b>Địa chỉ:</b>	Tầng 14 Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình – Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội
<b>Điện thoại:</b>	(84.4) 38689 566/88
<b>Fax:</b>	(84.4) 38686 248
<b>Website:</b>	<a href="http://www.kiemtoanava.com.vn">www.kiemtoanava.com.vn</a>

### **TỔ CHỨC TƯ VẤN**

#### **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI**

<b>Địa chỉ:</b>	1C Ngô Quyền – Hoàn Kiếm – Hà Nội
<b>Điện thoại:</b>	(84.4) 3936 6321
<b>Fax:</b>	(84.4) 3936 6318
<b>Website:</b>	<a href="http://www.ssi.com.vn">www.ssi.com.vn</a>

**MỤC LỤC**

<b>DANH MỤC BẢNG BIỂU .....</b>	<b>1</b>
<b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>	<b>1</b>
1. Rủi ro về kinh tế.....	1
2. Rủi ro về luật pháp.....	3
3. Rủi ro đặc thù .....	3
4. Rủi ro biến động thị trường chứng khoán.....	5
5. Rủi ro khác.....	6
<b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....</b>	<b>7</b>
1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình .....	7
2. Tổ chức tư vấn – Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội .....	7
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM .....</b>	<b>8</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....</b>	<b>9</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	9
2. Cơ cấu tổ chức công ty.....	17
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.....	19
4. Danh sách cổ đông lớn và Cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình .....	25
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết .....	27
6. Hoạt động kinh doanh.....	28
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	46
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành .....	49
9. Chính sách đối với người lao động.....	53
10. Chính sách cổ tức.....	56
11. Tình hình hoạt động tài chính .....	57
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng .....	65
13. Tài sản .....	80
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo .....	82
15. Đánh giá của Tổ chức Tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức .....	85
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết .....	86
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	86



<b>V.</b>	<b>CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....</b>	<b>87</b>
1.	Loại chứng khoán .....	87
2.	Mệnh giá .....	87
3.	Mã chứng khoán .....	87
4.	Tổng số chứng khoán niêm yết: .....	87
5.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành .....	87
6.	Giá trị sổ sách của cổ phiếu .....	88
7.	Phương pháp tính giá .....	88
8.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài .....	89
9.	Các loại thuế có liên quan .....	89
<b>VI.</b>	<b>CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT .....</b>	<b>90</b>
1.	Tổ chức tư vấn .....	90
2.	Tổ chức kiểm toán .....	90
<b>VII.</b>	<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>91</b>

**DANH MỤC BẢNG BIỂU****BẢNG**

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình .....	11
Bảng 2: Một số sản phẩm phân đa dinh dưỡng NPK của Công ty .....	29
Bảng 3: Sản lượng sản xuất các dòng sản phẩm chính .....	32
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu theo dòng sản phẩm giai đoạn .....	33
Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo dòng sản phẩm giai đoạn .....	33
Bảng 6: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty .....	34
Bảng 7: Giá thành bình quân các nguyên vật liệu chính của Công ty .....	36
Bảng 8: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh giai đoạn .....	37
Bảng 9: Một số thiết bị, máy móc chính của Công ty .....	39
Bảng 10: Một số hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết .....	45
Bảng 11: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn .....	46
Bảng 12: Một số dự án nhà máy sản xuất tiêu biểu .....	50
Bảng 13: So sánh các chỉ tiêu tài chính .....	51
Bảng 14: Cơ cấu lao động năm 2013 .....	53
Bảng 15: Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm .....	56
Bảng 16: Tình hình trả cổ tức 3 năm gần nhất của Công ty .....	57
Bảng 17: Chính sách trích khấu hao các loại tài sản .....	57
Bảng 18: Số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty .....	58
Bảng 19: Số dư các quỹ năm 2011 và năm 2012 và 9 tháng đầu năm 2013 .....	59
Bảng 20: Tình hình vay và nợ ngắn hạn của Công ty giai đoạn .....	59
Bảng 21: Tình hình vay và nợ dài hạn của Công ty giai đoạn .....	60
Bảng 22: Chi tiết khoản vay dài hạn của Công ty tại thời điểm 30/09/2013 .....	60
Bảng 23: Các khoản phải thu của Công ty .....	61
Bảng 24: Các khoản phải trả của Công ty .....	62
Bảng 25: Hàng tồn kho của Công ty .....	63



Bảng 26: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty .....	64
Bảng 27: Tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 .....	80
Bảng 28: Tài sản của Công ty tại thời điểm 30/09/2013 .....	81
Bảng 29: Tình hình đất đai đến thời điểm báo cáo .....	82
Bảng 30: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức .....	82
Bảng 31: Kế hoạch đầu tư và thực hiện dự án năm 2013 .....	84
Bảng 32: Kế hoạch đầu tư dự án năm 2014 .....	85
Bảng 33: Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình .....	88

**HÌNH**

Hình 1: Diễn biến giá phân bón thế giới và trong nước 9 tháng đầu năm 2013 .....	4
Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình .....	19
Hình 3: Một số sản phẩm tiêu biểu của Công ty .....	28
Hình 4: Sản lượng tiêu thụ giai đoạn từ năm 2011 cho đến 9 tháng đầu năm 2013 .....	32
Hình 5: Biến động doanh thu và lợi nhuận gộp giai đoạn .....	37
Hình 6: Một số thiết bị, máy móc chính của Công ty .....	40
Hình 7: Phòng nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm .....	41
Hình 8: Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm .....	42



## I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro về kinh tế

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, ... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô của nền kinh tế.

#### ❖ Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) từ đầu năm 2007, nền kinh tế Việt Nam đã bước đầu hội nhập với nền kinh tế thế giới và sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của nền kinh tế toàn cầu.

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 đạt 6,78%<sup>1</sup>. Tuy nhiên, sang giai đoạn 2011-2013, dưới sự tác động của suy thoái kinh tế và khủng hoảng tài chính thế giới, tốc độ tăng trưởng GDP chậm lại một cách rõ nét khi bình quân chỉ đạt 5,63%/năm<sup>2</sup>, sản xuất trong nước giảm sút, môi trường kinh doanh cũng bị ảnh hưởng nặng nề khi hàng loạt doanh nghiệp phải đóng cửa hay tuyên bố phá sản. Theo nhận định của các chuyên gia, nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đến năm 2014 vẫn chưa thể hoàn toàn thoát ra khỏi khủng hoảng. Mặc dù vậy, với những chính sách và biện pháp cải cách tích cực của Đảng và Nhà nước phát triển kinh tế theo hướng bền vững và kiềm chế lạm phát, nền kinh tế trong nước đã bước đầu cho thấy những dấu hiệu hồi phục, đặc biệt là thị trường tài chính - tiền tệ đang dần ổn định.

Có thể nhận thấy rằng tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp trong nước nói chung và đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất như CTCP Phân lân Ninh Bình nói riêng.

#### ❖ Lãi suất

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi doanh nghiệp, một phần nguồn vốn được huy động từ nguồn vốn vay ngân hàng. Do đó, những biến động của lãi suất ngân hàng cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Từ đầu năm 2012 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh trong bối cảnh thanh khoản hệ thống ngân hàng dần được cải thiện, từ đó, các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức trên 20-25%/năm trong những năm 2010 - 2011, lãi suất cho vay thời điểm hiện tại đã giảm

<sup>1</sup> Theo Tổng cục Thống kê

<sup>2</sup> Theo Tổng cục Thống kê



mạnh xuống phổ biến ở mức 9-11%/năm, đối với lĩnh vực ưu tiên là 7-9%, thậm chí những doanh nghiệp tốt có thể vay với lãi suất 6-7%/năm.

Cũng giống như phần lớn các doanh nghiệp sản xuất khác, Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình cũng có những khoản tín dụng theo lãi suất ngân hàng. Tuy nhiên, kỳ hạn của các khoản tín dụng này thường ngắn (bình quân 3 tháng) nên rủi ro biến động lãi suất mà doanh nghiệp phải đối mặt là không lớn. Với chính sách bán hàng linh hoạt, hàng tồn kho luân chuyển nhanh, dòng tiền của Công ty luôn được đảm bảo để thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính.

#### ❖ **Tình hình lạm phát**

Hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất như CTCP Phân lân Ninh Bình luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát.

Trong hai năm 2010 và 2011 khi tỷ lệ lạm phát ở mức hai con số lần lượt là 11,75% và 18,13%<sup>3</sup>, tình hình kinh tế - xã hội đã gặp phải nhiều bất ổn, hoạt động sản xuất đình trệ, gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp và người dân. Tuy vậy, đến năm 2012, nhờ những chính sách và biện pháp quyết liệt của Đảng và Chính Phủ, chỉ số giá tiêu dùng chỉ tăng 6,81% so với năm trước đó, lạm phát phần nào được kiềm chế. Trên cơ sở đó, mặt bằng lãi suất được giảm đáng kể, thị trường ngoại hối ổn định, mở ra những cơ hội thuận lợi cho môi trường sản xuất, kinh doanh trong nước. Trong năm 2013, Quốc Hội vẫn ưu tiên đặt mục tiêu kiềm chế lạm phát và kết quả là tình hình chỉ số giá tiêu dùng trong 10 tháng đầu năm diễn biến khả quan, mặc dù tháng 8 và tháng 9, CPI đột ngột tăng so với cùng kỳ năm ngoái (lần lượt là 0,83% và 1,06%)<sup>4</sup>. Dự báo hết năm 2013, CPI chỉ tăng khoảng 7% thấp hơn kế hoạch đề ra.

Sự biến động của lạm phát trong thời gian qua sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đầu ra của Công ty. Nó sẽ gây khó khăn cho Công ty trong việc điều chỉnh các chiến lược phù hợp với môi trường kinh doanh đang có những biến động mạnh.

Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty luôn chủ động trong việc ký các hợp đồng cung cấp nguyên nhiên vật liệu đầu vào với các nhà cung cấp truyền thống, và có kế hoạch chủ động điều chỉnh giá bán cho khách hàng dựa trên những dự báo về tình hình lạm phát.

#### ❖ **Tỷ giá**

Rủi ro về tỷ giá luôn là thách thức đối với các công ty phải nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất, nhất là trong thời điểm hiện tại khi tỷ giá ngoại tệ có biến động theo xu hướng tăng. Tuy nhiên, đặc thù của Công ty, nguồn nguyên vật liệu đầu vào chính được cung cấp bởi các Công ty trong nước, như quặng Séc-pentin

<sup>3</sup> Theo Tổng cục Thống kê

<sup>4</sup> Theo Tổng cục Thống kê





được khai thác từ các mỏ quặng tại Thanh Hóa, Apatit từ các mỏ tại Lào Cai, nguồn nhiên liệu than được cung cấp bởi Tập đoàn Than và khoáng sản Việt Nam. Đối với sản phẩm đầu ra, tỷ trọng doanh thu trong nước của Công ty chiếm phần lớn. Do đó, Công ty không chịu nhiều ảnh hưởng từ biến động của tỷ giá.

Mặt khác, việc tỷ giá biến động theo xu hướng tăng có tác động tích cực đối với giá bán sản phẩm của Công ty. Khi tỷ giá tăng, giá thành của phân bón nhập khẩu tăng, điều này khiến giá của các sản phẩm của Công ty sẽ trở nên rẻ tương đối so với các sản phẩm phân bón nhập khẩu và tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm Công ty.

## **2. Rủi ro về luật pháp**

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý về vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động bất lợi nhất định đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là doanh nghiệp cổ phần nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra, khi trở thành công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, công ty phải tuân theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất của Công ty chịu sự quản lý chặt chẽ về điều kiện vệ sinh và vấn đề xử lý ô nhiễm môi trường của các cấp quản lý nhà nước. Quy trình sản xuất của Công ty ít gây ảnh hưởng đến môi trường, thành phần gây ảnh hưởng đến môi trường chủ yếu là khí thải và nước thải. Tuy nhiên hàng năm, Công ty có trích chi phí đầu tư để xử lý các vấn đề môi trường, vì vậy, xét tình hình thực tế của Công ty, rủi ro về pháp luật liên quan đến vệ sinh ô nhiễm môi trường ít có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty.

## **3. Rủi ro đặc thù**

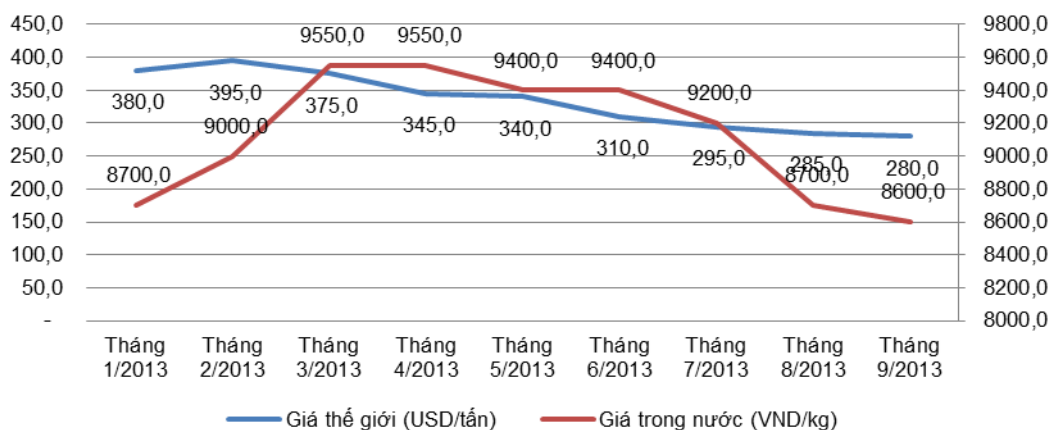
Bên cạnh những rủi ro về kinh tế vĩ mô hay rủi ro về luật pháp nói trên, tình hình hoạt động kinh doanh và giá cổ phiếu của Công ty còn có thể bị ảnh hưởng bởi những yếu tố đặc thù của ngành phân bón mà Công ty đang kinh doanh và những rủi ro cá biệt khác của Công ty.

### **❖ Về giá cả hàng hóa**

Hiện tại trên thị trường thế giới, lượng cung phân bón đang vượt cầu khi các quốc gia không ngừng mở thêm nhà máy, nâng cao năng lực sản xuất và áp dụng các công nghệ mới như Mỹ (xây dựng thêm nhà máy Dakota và mở rộng công suất nhà máy Solagan), Bắc Phi, Trung Đông, Canada, Trung Quốc, Argentina, Nga, v.v. Chính điều này đang gây áp lực lên giá phân bón trên thị trường thế giới khiến giá giảm mạnh.



Hình 1: Diễn biến giá phân bón thể giới và trong nước 9 tháng đầu năm 2013



Nguồn: Cục Quản lý giá, Bộ Tài Chính

Giá phân bón urê trên thị trường thể giới liên tục giảm mạnh từ mức đỉnh 395-425 USD/tấn vào tháng 2/2013 xuống mức 280-315 USD/tấn vào tháng 9/2013 (bình quân 9 tháng năm 2013 so với cùng kỳ năm 2012, giá thể giới giảm khoảng 85-90 USD/tấn). Trong khi đó, giá phân bón trong nước lại diễn biến khá phức tạp khi tăng trong 4 tháng đầu năm (tháng 4/2013: 9.550 – 10.200 đồng/kg), sau đó lại giảm đều xuống mức 8.600 – 9.000 đồng/kg vào tháng 9/2013, bình quân 9 tháng đầu năm 2013 so với cùng kỳ năm 2012, giá trong nước giảm từ 800 – 1.400 đồng/kg.

Có thể thấy rằng việc Trung Quốc – nước chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch xuất khẩu phân bón vào Việt Nam mở cửa biên giới bằng cách giảm thuế xuất khẩu đã gây áp lực lên giá cả mặt hàng này tại thị trường nước ta. Việc giá phân bón trong nước diễn biến không ổn định và trong xu hướng giảm theo giá thể giới sẽ khiến Công ty gặp khó khăn trong việc xác định kế hoạch kinh doanh và ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận.

#### ❖ Về thị trường tiêu thụ

Hiện nay trong nước có khoảng 500 doanh nghiệp sản xuất phân vô cơ và hàng nghìn doanh nghiệp sản xuất phân hữu cơ, vì sinh khiến thị trường đang trở nên hết sức cạnh tranh. Chỉ tính riêng sản phẩm phân lân nung chảy, sản xuất hiện tại đạt khoảng 700.000 tấn/năm bao gồm CTCP Phân lân Ninh Bình, CTCP Supe phốt phát và hóa chất Lâm Thao và CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển. Trong tương lai cũng có thêm ba nhà máy mới tại Lào Cai, Thanh Hóa với tổng công suất 500.000 tấn/năm đi vào hoạt động. Đối với sản phẩm NPK, hiện cũng có một số lượng không nhỏ các nhà máy sản xuất với nhiều loại thiết bị và công nghệ khác nhau với tổng công suất khoảng trên 3,7 triệu tấn/năm.



Bên cạnh đó, khối lượng nhập khẩu phân bón 9 tháng đầu năm 2013 đạt 3,39 triệu tấn và 1,28 tỷ USD, tăng 21,7% về lượng và 6,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2012<sup>5</sup>. Đặc biệt là khi Trung Quốc cắt giảm thuế xuất khẩu phân bón khiến giá phân bón Trung Quốc tại thị trường Việt Nam giảm đi đáng kể. Hơn thế nữa, vấn nạn hàng giả, hàng nhái, kém chất lượng đang khiến không ít các doanh nghiệp trong nước phải gặp nhiều khó khăn.

Những yếu tố kể trên đang tạo nên một thị trường phân bón rất cạnh tranh và tiềm ẩn nhiều rủi ro ảnh hưởng đến thị trường, thị phần của Công ty. Tuy nhiên, là một trong những nhà máy sản xuất phân bón có công suất lớn, sở hữu nhiều lợi thế với thương hiệu đã có từ lâu năm, CTCP Phân lân Ninh Bình vẫn luôn tìm cách nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm dựa trên những lợi thế của một thương hiệu lâu năm trong ngành để giữ vững và gia tăng thị phần.

#### ❖ Về trình độ chuyên môn

Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình tiền thân là nhà máy sản xuất phân lân nung chảy thuộc Tổng công ty hóa chất Việt Nam, đã sản xuất và đưa vào tiêu thụ khoảng 250.000 tấn phân bón mỗi năm. Đội ngũ nhân viên đã làm chủ được công nghệ sản xuất và đa dạng hóa sản phẩm để phù hợp với nhu cầu ngày càng khắt khe của thị trường.

Các công đoạn trong dây chuyền sản xuất của Công ty hầu hết được tự động hóa từ khâu phối trộn nguyên liệu cho đến khi cho sản phẩm cuối cùng. Do vậy, việc xảy ra sự cố khi lập trình và điều khiển thiết bị sẽ dẫn đến sai sót sản phẩm hàng loạt và gây tổn thất lớn. Để hạn chế rủi ro kỹ thuật trên, Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo quy trình lao động và tổ chức nâng cao trình độ tay nghề cho cán bộ công nhân viên và đã được cấp chứng chỉ quản lý chất lượng ISO 9001:2000. Hơn nữa, với kinh nghiệm chỉ đạo và sản xuất lâu năm, cán bộ kỹ thuật của Công ty chưa để xảy ra sai sót đáng tiếc nào.

#### 4. Rủi ro biến động thị trường chứng khoán

Công ty thực hiện việc niêm yết cổ phiếu trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động. Việc biến động giá cổ phiếu của Công ty sẽ không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin và đặc biệt là quan hệ cung cầu trên thị trường. Quan hệ này lại chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố vĩ mô của nền kinh tế trong nước và thế giới; các yếu tố vi mô liên quan đến doanh nghiệp và tâm lý của nhà đầu tư... Trong trường hợp giá cổ phiếu của các công ty niêm yết nói chung và cổ phiếu của Công ty nói riêng giảm giá hoặc khối lượng giao dịch ít sẽ ảnh hưởng tới khả năng huy động vốn và hình ảnh của Công ty.

---

<sup>5</sup> Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn



---

**5. Rủi ro khác**

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty. Ngoài ra, sự thay đổi của chính sách tiền tệ, cơ chế thanh toán, lãi vay, phí và các điều kiện ràng buộc của ngân hàng, kho bạc Nhà nước cũng tạo nên các rủi ro bất khả kháng cho doanh nghiệp.



## **II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình**

Ông Phạm Mạnh Ninh Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Ông Dương Như Đức Chức vụ: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Xuân Quyên Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### **2. Tổ chức tư vấn – Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội**

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Ngọc Anh

Chức vụ: Giám đốc khối Ngân hàng đầu tư – Khu vực phía Bắc

Giấy UQ: Số 01/2013/UQ-SSI ngày 21/03/2013 kí bởi ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn niêm yết số 33/2010/HĐ-TV-SSIHN ngày 11/05/2010 với Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình cung cấp.

### III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty:	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình
CTCP:	Công ty cổ phần
SSI:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT:	Hội đồng Quản trị
BKS:	Ban Kiểm soát
Điều lệ:	Điều lệ Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình
SGDCK:	Sở giao dịch chứng khoán
CNĐKKD:	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
CMND:	Chứng minh nhân dân
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
QLCL:	Quản lý chất lượng
KCS:	Kiểm tra chất lượng sản phẩm
KH & ĐT:	Kế hoạch và Đầu tư
TP:	Thành phố
TNDN:	Thu nhập doanh nghiệp
VAT:	Thuế Giá trị gia tăng
CP:	Cổ phần
UBCKNN:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước



#### **IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**

##### **1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

###### **❖ Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết**

Tên gọi Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH  
Tên giao dịch đối ngoại : NINH BINH PHOSPHATE FERTILIZER JSC  
Tên viết tắt : NIFERCO  
Logo :



Địa chỉ doanh nghiệp : Xã Ninh An, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình  
Số điện thoại : (030) 3610024; 3610863  
Fax : (030) 3610013  
Website : [www.niferco.com.vn](http://www.niferco.com.vn)  
Vốn điều lệ : 104.875.510.000 đồng

*(Bằng chữ: Một trăm linh tư tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm mười nghìn đồng).*

Phạm vi lĩnh vực hoạt động của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 09030000060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp lần đầu ngày 31/12/2004 và đăng ký thay đổi lần 4 số 2700224471 ngày 18/12/2013, bao gồm:

- Sản xuất phân bón, và hợp chất nitơ
- Sản xuất xi măng
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đầu (Sản xuất; gia công; chế tạo; thiết bị máy sản xuất phân lân nung chảy).



❖ **Quá trình hình thành, phát triển**

Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình tiền thân là Nhà máy Phân lân Ninh Bình được thành lập từ ngày 01 tháng 8 năm 1977, trực thuộc Tổng cục Hoá chất Việt Nam trước đây, nay là Tập đoàn Hoá chất Việt Nam.

**Trong thời kỳ từ năm 1977 đến năm 1984**, Công ty tập trung vào nhiệm vụ chính là thực hiện công tác xây dựng cơ bản, đào tạo cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật, cán bộ nghiệp vụ, tiếp nhận bàn giao đưa các dây chuyền thiết bị công nghệ vào sản xuất sản phẩm phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp như: Apatit nghiền và một số loại sản phẩm hoá chất khác.

Năm 1984 Công ty chính thức nhận bàn giao dây chuyền công nghệ sản xuất phân lân nung chảy với thiết kế 2 lò cao có công suất 100.000 tấn/năm/ 2 lò được đưa vào vận hành có tài để sản xuất sản phẩm phân lân nung chảy phục vụ phân bón cho sản xuất nông nghiệp trên thị trường.

**Ngày 15 tháng 2 năm 1985**, Tổng cục Hoá chất có quyết định số 99/HC-TCCBĐT về việc thành lập xí nghiệp Phân lân nung chảy số I gồm có: Nhà máy Phân lân nung chảy Văn Điển, nhà máy Phân lân Ninh Bình, mỏ Secpentin Thanh Hoá. Trong thời gian từ năm 1985 đến năm 1990 lãnh đạo Công ty đã cùng tập thể CNVC lao động thực hiện sắp xếp tổ chức sản xuất, tiếp nhận bàn giao chính thức dây chuyền công nghệ sản xuất phân lân nung chảy với 2 lò cao có công suất thiết kế là 100.000 tấn/ năm để chính thức đưa vào sản xuất theo kế hoạch của nhà nước giao cho Công ty. Công ty đã sản xuất ra các loại sản phẩm phân lân nung chảy; phân NPK có chất lượng cao phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu thị trường. Trong giai đoạn này, Đảng và Nhà nước cũng đã có nhiều các chủ trương, chính sách về xoá bỏ bao cấp, thực hiện việc đổi mới để phát triển kinh tế xã hội trong mọi lĩnh vực. Những thay đổi này đã tác động trực tiếp đến doanh nghiệp, tính chủ động, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp được nâng cao hơn; cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được thực hiện. Thương hiệu sản phẩm phân lân nung chảy Ninh Bình đã được sản xuất và lưu thông trên thị trường phục vụ cho sản xuất nông nghiệp trong cả nước, đời sống công nhân viên chức lao động được cải thiện nâng cao hơn. Tuy vậy, trong thời gian này, Công ty cũng gặp nhiều khó khăn thách thức, đội ngũ cán bộ công nhân viên lao động giảm về số lượng, sản phẩm sản xuất không nhiều, đời sống cán bộ công nhân viên lao động khó khăn, đơn vị sản xuất kinh doanh hạch toán phụ thuộc vào xí nghiệp phân lân nung chảy số I, tình hình kinh tế đất nước khó khăn.

**Ngày 13 tháng 8 năm 1990**, Bộ Công nghiệp có quyết định số 287/CNNG-TC về việc giải thể xí nghiệp phân lân nung chảy số I. Nhà máy phân lân nung chảy Ninh Bình được tách ra (sau đó được đổi tên thành Công ty phân lân Ninh Bình) là đơn vị trực thuộc Tổng công ty Hoá chất Việt Nam, sản xuất kinh doanh hạch toán độc lập có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu riêng, và có tài khoản tại ngân hàng.

**Từ tháng 8/1990 đến tháng 12/2004**, Công ty là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng công ty Hoá chất Việt Nam chuyên sản xuất kinh doanh phân lân nung chảy và các loại sản phẩm phân bón khác, sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng... Trong thời gian này, Công ty đã đầu tư thêm 01 dây chuyền lò cao số 3, cải tạo các thiết bị 2





lò cao hiện có và năng năng lực sản xuất phân lân nung chảy của Công ty tăng lên gấp 3 lần so với thiết kế ban đầu. Từ năm 2001 đến nay, Công ty có dây chuyền thiết bị công nghệ 3 lò cao sản xuất phân lân nung chảy với công suất là 300.000 tấn/năm và đầu tư xây dựng 01 xưởng sản xuất NPK Ninh Bình có công suất 150.000 tấn/năm để sản xuất sản phẩm phân bón các loại tiêu thụ trên thị trường trong nước và xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài, đáp ứng thỏa mãn yêu cầu phân bón cho nền sản xuất nông nghiệp trong nước.

**Ngày 29/7/2004**, Bộ Công nghiệp có quyết định số 66/2004/QĐ-BCN về việc chuyển đổi Công ty Phân lân Ninh Bình thành Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình; trong đó cổ đông nhà nước (Tập đoàn Hoá chất Việt Nam) nắm giữ cổ phần chi phối 51% vốn điều lệ của Công ty và Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần hoạt động theo luật Doanh nghiệp kể từ ngày 01/01/2005.

**Từ năm 2005 đến nay**, Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình với hoạt động tích cực của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty, đội ngũ CBCNV vừa là cổ đông vừa là người lao động Công ty đã đoàn kết, phát huy tiềm năng nội lực sẵn có của Công ty, khắc phục những khó khăn thách thức trong sản xuất kinh doanh hàng năm. Công ty tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch xuất kinh doanh đề ra với mức tăng trưởng ổn định, sản xuất kinh doanh có lãi, thực hiện tốt mọi nghĩa vụ với nhà nước, đảm bảo việc làm thường xuyên và thu nhập đời sống cho CBCNV lao động luôn được cải thiện và nâng cao; đảm bảo chia lợi cổ tức cho các cổ đông hàng năm.

❖ **Quá trình tăng vốn điều lệ**

**Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình**

*Đơn vị: triệu đồng*

Thời gian	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn thực góp	Giá trị tăng vốn thực góp	Phương thức
Khi thành lập (31/12/2004)	24.860	24.860	-	Cổ phần hóa theo quyết định số 66/2004/QĐ-BCN ngày 29/7/2004 của Bộ Công nghiệp
Lần 1: Năm 2007	37.290	37.290	12.430	Chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thường
Lần 2: Năm 2010	55.934,50	55.934,50	18.644,50	Chia cổ tức bằng cổ phiếu



Lần 3:	69.917,39	69.917,39	13.982,89	Chia cổ phiếu thưởng
Năm 2011				
Lần 4:	104.875,51	104.875,51	34.958,12	Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
Năm 2013				

*Nguồn: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình*

Ngày 29/06/2007, Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình được Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng.

▪ **Lần 1: Phát hành tăng vốn điều lệ từ 24.860 triệu đồng lên 37.290 triệu đồng**

Cơ sở pháp lý: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 867/NQĐHĐCĐ-PLNB ngày 19/04/2007; Giấy chứng nhận ĐKKD số 0903000060 thay đổi lần thứ nhất ngày 24/5/2007.

Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng/cổ phần
Số lượng cổ phần phát hành:	1.243.000 cổ phần
Tổng giá trị cổ phần phát hành:	12.430.000.000 đồng
Đối tượng phát hành:	Cổ đông hiện hữu của Công ty
Hình thức phát hành:	Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 12% vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 38%
Nguồn vốn để phát hành:	Thuế TNDN được miễn giảm năm 2005,2006 và lợi nhuận chưa phân phối.

▪ **Lần 2: Phát hành tăng vốn điều lệ từ 37.290 triệu đồng lên 55.934,5 triệu đồng**

Cơ sở pháp lý: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 388/NQĐHĐCĐ-PLNB ngày 21/04/2010, Giấy chứng nhận ĐKKD số 0903000060 thay đổi lần thứ 2 ngày 14/7/2010.



Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng/cổ phần
Số lượng phát hành:	1.864.450 cổ phần
Tổng giá trị phát hành:	18.644.500.000 đồng
Đối tượng phát hành:	Cổ đông hiện hữu của Công ty
Hình thức phát hành:	Trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 50% vốn điều lệ
Nguồn vốn để phát hành:	Lợi nhuận sau thuế năm 2009 và lợi nhuận chưa phân phối.

▪ **Lần 3: Phát hành tăng vốn điều lệ từ 55.934,5 triệu đồng lên 69.917,39 triệu đồng:**

Cơ sở pháp lý: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 491/NQĐHĐCĐ ngày 14/04/2011, Giấy chứng nhận ĐKKD số 0903000060 thay đổi lần thứ 3 ngày 25/5/2011.

Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng/cổ phần
Số lượng phát hành:	1.398.289 cổ phần
Tổng giá trị phát hành:	13.982.890.000 đồng
Đối tượng phát hành:	Cổ đông hiện hữu của Công ty
Hình thức phát hành:	Phát hành cổ phiếu thưởng năm 2011 tỷ lệ 25% vốn điều lệ.
Nguồn vốn để phát hành:	Vốn khác của Chủ sở hữu.

▪ **Lần 4: Phát hành tăng vốn điều lệ từ 69.917,39 triệu đồng lên 104.875,51 triệu đồng:**

Cơ sở pháp lý: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1850/NQĐHĐCĐ-PLNB ngày 28/11/2013, công văn số



7952/UBCK-QLPH ngày 12/12/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Giấy chứng nhận ĐKKD số 0903000060 thay đổi lần thứ 4 ngày 18/12/2013.

Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng/cổ phần
Số lượng phát hành:	3.495.812 cổ phần
Tổng giá trị phát hành:	34.958.120.000 đồng
Đối tượng phát hành:	Cổ đông hiện hữu của Công ty
Hình thức phát hành:	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ 50%
Nguồn vốn để phát hành:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Vốn khác của chủ sở hữu (Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ)</li><li>- Quỹ đầu tư phát triển</li><li>- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</li></ul>

❖ **Các thành tích đạt được**

Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình là một trong những nhà sản xuất các loại phân lân nung chảy và phân NPK có uy tín trên thị trường Việt Nam. Trong những năm qua, các sản phẩm của Công ty luôn được đánh giá cao về mặt chất lượng vì vậy Công ty liên tục đạt được rất nhiều bằng khen và giải thưởng của Chính phủ và các bộ ngành.

**Các danh hiệu Công ty đã đạt được:**

- Huân chương Lao động hạng Nhì giai đoạn 2006-2010;
- Huân chương Lao động hạng Ba giai đoạn 2001-2005;
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ 2004, 2007, 2008, 2009;
- Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ 2008;
- Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công thương 2005, 2006;
- Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh Ninh Bình 2006, 2007;

- Các Bằng khen, cờ thi đua của các Bộ, ngành Trung ương và địa phương khác trong các năm qua về kết quả thành tích đạt được trên các lĩnh vực.

***Các giải thưởng Công ty đã đạt được:***

- Giải thưởng “Sao vàng đất việt” năm 2005, 2008, 2011, 2013.
- Giải thưởng “Bông lúa vàng Việt Nam - Thương hiệu vàng chất lượng” 2008, 2009.



- Giải thưởng “Bạn của nhà nông” 2006, 2007, 2008
- Giải thưởng “Thương hiệu Việt hội nhập WTO cúp vàng” 2007



- Giải thưởng “Thương hiệu xanh” 2008.



- Giải thưởng “Trí tuệ Việt Nam” 2008.



- Giải thưởng “Thương hiệu mạnh Việt Nam” 2008, 2009, 2012.



- Giải thưởng “Sao vàng đồng bằng Sông hồng” 2008.
- Giải thưởng “Công nghệ xanh” 2009.
- Giải thưởng Toàn quốc “ Vì sự phát triển Nông nghiệp – Nông dân – Nông thôn” 2010.

Ngoài ra, Công ty còn nhận được:

- Cờ thi đua Bộ Công Thương năm 2011;
- Cờ thi đua Công đoàn Công thương Việt Nam năm 2011;
- Cờ thi đua đạt giải Ba phong trào thi đua 90 ngày nước rút quý IV/2011;
- Bằng khen của UBND tỉnh Ninh Bình về nộp ngân sách năm 2011;
- Bằng khen của UBND tỉnh Ninh Bình về phong trào thi đua khối doanh nghiệp TW tại Ninh Bình năm 2011;
- Bằng khen của UBND tỉnh Ninh Bình về đã có nhiều thành tích góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2012.



- Bằng khen của UBND tỉnh Ninh Bình về đã có nhiều thành tích xuất sắc trong việc thực hiện chính sách thuế năm 2012.

## **2. Cơ cấu tổ chức công ty**

Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình có trụ sở chính tại

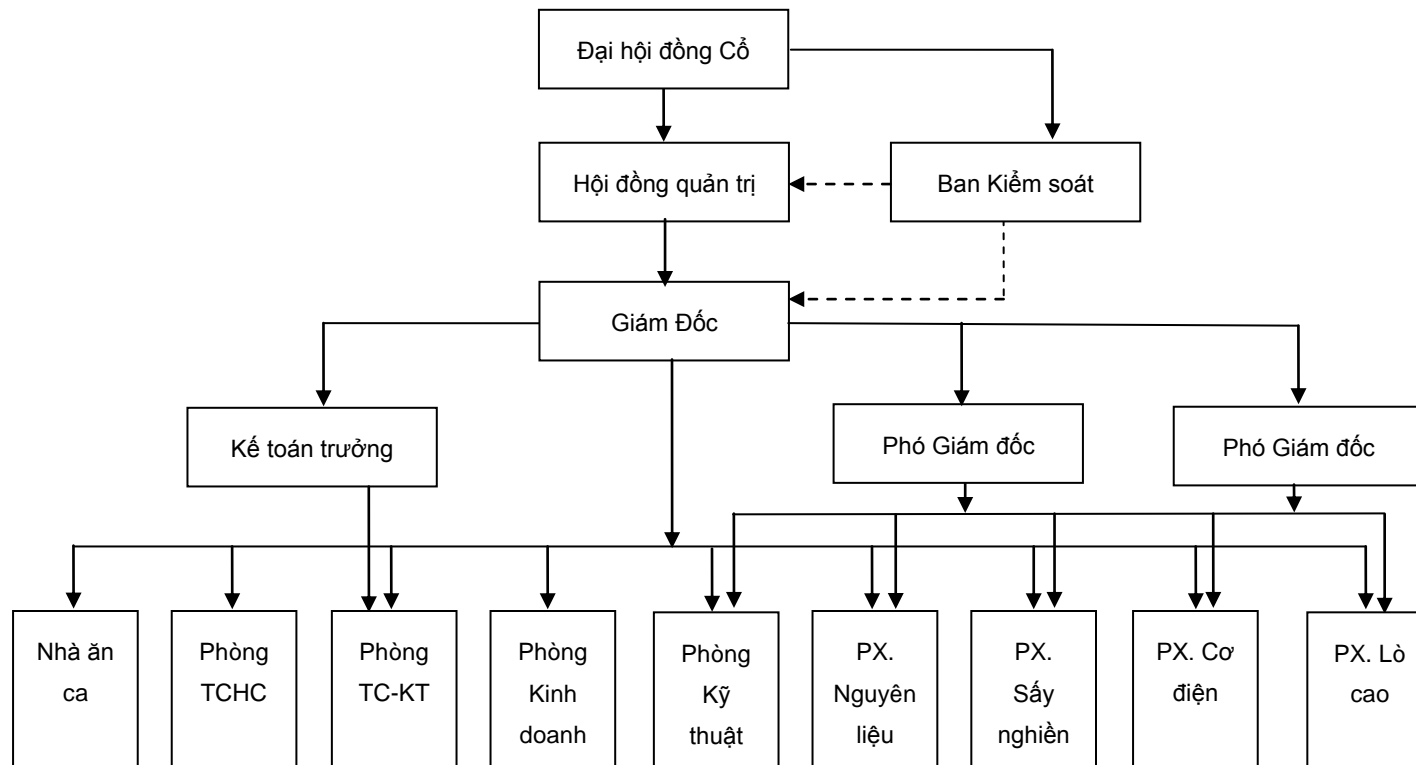
Địa chỉ: Ninh An- Hoa Lư- Ninh Bình

Điện thoại: (030) 3610 024; 3610863

Fax: (030) 3610 013

### 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình



Nguồn: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình



**❖ Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung sửa đổi Điều lệ Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát, và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

**❖ Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị (HĐQT) là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 5 thành viên, các thành viên HĐQT nhóm họp và bầu Chủ tịch HĐQT. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty theo quy định trong Điều lệ Công ty. HĐQT công ty có 05 thành viên. Cơ cấu HĐQT của Công ty như sau:

Ông Phạm Mạnh Ninh	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Hồng Sơn	Ủy viên HĐQT
Ông Dương Như Đức	Ủy viên HĐQT
Ông Hà Huy San	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Ủy viên HĐQT

**❖ Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát (BKS) là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các Cổ đông theo quy định trong Điều lệ của Công ty. BKS gồm có 03 người do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên. Cơ cấu Ban kiểm soát của Công ty như sau:

Bà Nguyễn Thị Xuân Quyên	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Vũ Cao Trung	Thành viên
Bà Phạm Thị Hằng	Thành viên

**❖ Ban Giám đốc**

Ban điều hành của Công ty gồm có một Giám đốc và hai phó Giám đốc.

Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, giúp việc cho Giám đốc



Ban giám đốc của Công ty như sau:

Ông Phạm Mạnh Ninh	Giám đốc
Ông Phạm Hồng Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Chi	Phó Giám đốc

❖ **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng được Giám đốc đề nghị và do HĐQT bổ nhiệm.

Ông Dương Như Đức	Kế toán trưởng
-------------------	----------------

❖ **Các phòng ban chức năng**

***Phòng Tài chính - Kế toán***

Phòng Tài chính kế toán là đơn vị quản lý chuyên môn nghiệp vụ công tác Tài chính của Công ty, tham mưu giúp lãnh đạo Công ty ở các lĩnh vực và tổ chức thực hiện nhiệm vụ sau:

- Xây dựng kế hoạch Tài chính để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty đề ra.
- Chuẩn bị nguồn vốn để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty hàng tháng, quý, năm; huy động các nguồn vốn cho sản xuất.
- Báo cáo quyết toán Tài chính hàng quý, năm.
- Thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho CNVC lao động hàng tháng, năm; thanh toán lợi cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.
- Thanh toán các chế độ có liên quan đến người lao động theo quy định của Pháp luật.
- Theo dõi công nợ, thu hồi công nợ đến hạn, thanh toán công nợ với khách hàng mua và bán theo hợp đồng kinh tế.
- Đề xuất giải quyết các vấn đề có liên quan đến quản lý Tài chính của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.
- Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nhà nước theo kế hoạch hàng năm đúng quy định hiện hành.
- Quản lý tiền mặt tại quỹ, thu chi Tài chính theo đúng quy định.

***Phòng Tổ chức - Hành chính***

Phòng Tổ chức-Hành chính chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:



- Sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ quản lý các cấp tại các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ quản lý tổ chức sản xuất, công tác đáp ứng yêu cầu SXKD của Công ty, quản lý đội ngũ cán bộ theo chức năng tổ chức của Công ty.
- Thực hiện việc tuyển dụng lao động; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, quản lý nguồn nhân lực, xây dựng kế hoạch tuyển dụng đào tạo nhân lực hàng năm để tổ chức thực hiện.
- Thực hiện công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật lao động.
- Thực hiện công tác quản lý lao động, tiền lương, xây dựng hệ thống định mức lao động tiền lương sản xuất các loại sản phẩm và tiền lương khoán gọn trong toàn Công ty để thực hiện.
- Xây dựng các nội quy, quy chế quản lý của Công ty để thông qua Hội nghị công nhân lao động hàng năm thực hiện như: quy chế dân chủ ở cơ sở, nội quy lao động Công ty; quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng hàng năm; định mức lao động tiền lương sản xuất các loại sản phẩm hàng kỳ, hàng năm và đột xuất khác.
- Thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đến người lao động như: chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp..., chế độ thôi việc, hưu trí, tử tuất... theo quy định của Pháp luật hiện hành.
- Thực hiện công tác văn phòng (Văn thư, đánh máy, tiếp khách, Hội nghị, lái xe, quản lý lưu trữ hồ sơ...)
- Thực hiện công tác y tế, quản lý sức khỏe của CBCNV lao động ở cấp trạm xá Công ty, thực hiện chức năng quản lý y tế ở cơ sở theo quy định của ngành y tế hiện hành.
- Thực hiện công tác bảo vệ trật tự trị an, an toàn xã hội tại Công ty và địa bàn quản lý của Công ty.
- Thực hiện công tác quốc phòng địa phương tại cơ sở theo quy định của Pháp luật và Pháp lệnh về dân quân tự vệ đã ban hành.
- Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của Công ty theo kế hoạch hàng năm của Công ty đã đề ra.

### **Phòng Kinh doanh**

Phòng kinh doanh là bộ phận quản lý chuyên môn nghiệp vụ, tham mưu giúp lãnh đạo Công ty ở các lĩnh vực và tổ chức thực hiện nhiệm vụ sau:

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty hàng năm, hàng tháng, hàng quý trong năm để tổ chức thực hiện.
- Xây dựng kế hoạch thị trường tiêu thụ sản phẩm phân bón của Công ty và tổ chức bán hàng tiêu thụ sản phẩm phân bón của Công ty theo kế hoạch trong năm đã đề ra; tổ chức khai thác phát triển thị trường mới; tuyên truyền quảng bá giới thiệu thương hiệu sản phẩm của Công ty trên thị trường; tổ chức các Hội nghị khách hàng tại các địa phương và tại Công ty để tạo sự hiểu biết, hợp tác giữa khách hàng với Công ty; thiết lập các hợp đồng bán hàng với khách hàng trình Giám đốc ký và tổ chức thực hiện.



- Lập kế hoạch và thu mua vật tư phục vụ cho mọi yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty hàng năm, tháng, quý trong năm; thiết lập các hợp đồng kinh tế mua vật tư nguyên, nhiên liệu, năng lượng các vật tư khác để trình Giám đốc ký với khách hàng và tổ chức thực hiện hợp đồng theo quy định.
- Quản lý vật tư kho tàng, nhập xuất vật tư sản xuất theo đúng quy định của Công ty.
- Tổ chức thực hiện các hợp đồng, giao hàng và thu hồi công nợ theo hợp đồng.
- Công tác thống kê tổng hợp, phân tích hiệu quả quản lý sản xuất của các đơn vị có liên quan đến sử dụng vật tư sản xuất theo định mức kinh tế kỹ thuật của Công ty đã ban hành.
- Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý nghiệp vụ, nhân viên bán hàng để nâng cao trình độ nghiệp vụ, nhân viên bán hàng thực hiện tốt nhiệm vụ được giao đáp ứng mọi yêu cầu đề ra.
- Phối kết hợp với các đơn vị phòng ban, phân xưởng sản xuất trong Công ty để thực hiện nhiệm vụ hàng tháng, quý và năm của Công ty.

***Phòng Kỹ thuật***

Phòng Kỹ thuật là bộ phận quản lý chuyên môn nghiệp vụ về công tác kỹ thuật, tham mưu giúp lãnh đạo Công ty quản lý ở các lĩnh vực và tổ chức thực hiện nhiệm vụ sau:

- Xây dựng kế hoạch công tác khoa học kỹ thuật, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn hàng năm của Công ty và tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch đã đề ra.
- Điều hành việc thực hiện kế hoạch sản xuất hàng tháng của các đơn vị đảm bảo số lượng, chất lượng, an toàn tuyệt đối và đảm bảo môi trường sản xuất theo quy định.
- Quản lý công nghệ, thiết bị sản xuất của Công ty.
- Quản lý chất lượng nguyên, nhiên liệu vật tư đầu vào, chất lượng sản phẩm hàng hoá sản xuất nhập kho và bán lưu thông trên thị trường.
- Thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, và sửa chữa lớn của Công ty.
- Quản lý về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, môi trường sản xuất và sinh hoạt của Công ty.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, cải tiến chất lượng sản phẩm hàng hoá đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Đào tạo nâng cao trình độ kỹ thuật, tay nghề cho công nhân lao động trực tiếp sản xuất ở các đơn vị và đội ngũ cán bộ quản lý kỹ thuật của đơn vị quản lý.
- Phối hợp với các đơn vị phòng ban, phân xưởng trong Công ty để thực hiện nhiệm vụ quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty hàng tháng, quý, năm.

***Phân xưởng Nguyên vật liệu***

Phân xưởng trực tiếp quản lý lao động sản xuất là công nhân kỹ thuật, công nhân sản xuất, quản lý sử dụng các thiết bị công nghệ sản xuất để tổ chức sản xuất theo kế hoạch sản xuất hàng tháng, quý, năm của Công ty giao cho.

Phân xưởng có nhiệm vụ phục vụ sản xuất, gia công chế biến nguyên liệu, phục vụ Phân xưởng Lò cao; vận chuyển tiêu thụ các sản phẩm phân bón.

***Phân xưởng Lò cao***

Phân xưởng tổ chức sản xuất bán thành phẩm phân lân nung chảy bằng công nghệ sản xuất theo phương pháp lò cao tại Công ty đảm bảo an toàn, năng suất, chất lượng và hiệu quả nhất.

***Phân xưởng Sấy nghiền***

Phân xưởng phụ trách công đoạn sấy nghiền, sản xuất các loại sản phẩm phân bón hàng hoá của Công ty để nhập, xuất kho bán lưu thông trên thị trường trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài.

***Phân xưởng Cơ điện***

Phân xưởng phụ trách quản lý, phục vụ điện, nước cho sản xuất và sinh hoạt trong toàn Công ty.

***Nhà ăn ca***

Lập kế hoạch tổ chức thực hiện việc nấu ăn ca, phát chế độ bồi dưỡng độc hại cho CN lao động Công ty theo quy định của Công ty hiện hành.



#### 4. Danh sách cổ đông lớn và Cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình

❖ Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 20/12/2013

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số cổ phần sở hữu	Giá trị sở hữu (đồng)	Tỷ lệ % vốn điều lệ
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1A Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	0100100061	5.348.952	53.489.520.000	51,00%
<b>Người đại diện:</b>						
	- Phạm Mạnh Ninh	Đồng Thành, TP. Ninh Bình	161982746	3.251.442	32.514.420.000	31,00%
	- Phạm Hồng Sơn	Tân Thành, TP. Ninh Bình	161852369	1.048.755	10.487.550.000	10,00%
	- Dương Như Đức	Phúc Thành, TP. Ninh Bình	164086080	1.048.755	10.487.550.000	10,00%
2	Phạm Mạnh Ninh	Đồng Thành, TP. Ninh Bình	161982746	1.048.770	10.487.700.000	10,00%
3	Công ty TNHH Hoàng Ngân	Ninh An, Hoa Lư, Ninh Bình	2700271351	1.134.484	11.344.840.000	10,82%
<b>Người đại diện:</b>						
	- Nguyễn Ngọc Thạch	Bích Đào, TP. Ninh Bình	164184799	1.134.484	11.344.840.000	10,82%
Nguồn: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình						



## ❖ Cơ cấu cổ đông tại ngày 20/12/2013

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
<b>Cổ đông trong nước</b>		<b>10.487.551</b>	<b>104.875.510.000</b>	<b>100%</b>	<b>234</b>
1	Tổ chức	6.483.436	64.834.360.000	61,82%	2
2	Cá nhân	4.004.115	40.041.150.000	38,18%	232
<b>Cổ đông nước ngoài</b>		-	-	-	-
3	Tổ chức	-	-	-	-
4	Cá nhân	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>10.487.551</b>	<b>104.875.510.000</b>	<b>100%</b>	<b>234</b>

*Nguồn: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình*

**Danh sách cổ đông sáng lập**

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.



**5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết**

**❖ Công ty mẹ hoặc công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết**

*Tên tổ chức:* Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

*Tên viết tắt:* Vinachem

*Địa chỉ:* 1A Tràng Tiền – Hoàn Kiếm – Hà Nội

*Ngành nghề kinh doanh:*

- Sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; hóa chất cơ bản, hóa chất tiêu dùng; công nghiệp hóa chất, hóa dược, hóa dầu; công nghiệp chế biến cao su; công nghiệp khai thác mỏ.
- Kinh doanh máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ cho ngành công nghiệp hóa chất; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

*Tỷ lệ nắm giữ:* nắm giữ 51% vốn điều lệ CTCP Phân lân Ninh Bình.

**❖ Công ty con hoặc những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối**

Không có

**❖ Công ty liên doanh, liên kết**

Không có



## 6. Hoạt động kinh doanh

### 6.1. Các sản phẩm chính và sản lượng qua các năm

#### ❖ Giới thiệu các sản phẩm chính

Sản phẩm chính của Công ty là phân lân nung chảy và phân NPK. Các sản phẩm phân lân và phân NPK của công ty đều là loại phân bón tổng hợp đa dinh dưỡng cung cấp đầy đủ các chất thiết yếu cho cây trồng và được sản xuất theo tiêu chuẩn Quốc gia, và phù hợp với tiêu chuẩn Quốc tế.



**Hình 3: Một số sản phẩm tiêu biểu của Công ty**

#### ***Phân lân nung chảy***

Phân lân nung chảy là sản phẩm chính của Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình. Phân lân nung chảy là phân đa dinh dưỡng có thành phần dinh dưỡng rất cao bao gồm:

- P<sub>2</sub>O<sub>5</sub> (tỷ lệ: 15 - 17%; 17 - 19%; 19 – 21%): đây là thành phần chất dinh dưỡng chính trong phân lân nung chảy. P<sub>2</sub>O<sub>5</sub> là chất chủ yếu để tạo nên các tế bào cây cối, thúc đẩy sự nảy mầm, phát triển bộ rễ, tăng số lượng, chất lượng hạt, củ, quả.
- CaO: chất vôi có tác dụng khử chua ém phèn, cải tạo và tăng nhanh độ phì nhiêu của đất, giúp cây trồng tổng hợp protein và chuyển hóa chất dinh dưỡng.
- MgO: chất Magie có tác dụng khử chua, cải tạo đất như vôi là chất thiết yếu tạo nên diệp lục tố của cây, giúp cây trồng tăng khả năng quang hợp, tổng hợp protein, chất đường, chất béo.
- SiO<sub>2</sub>: chất Silic làm tăng độ cứng vững của thân và lá cây, giúp cây trồng tăng khả năng chịu rét, chịu hạn, chống chịu sâu bệnh tốt hơn.



..... Các nguyên tố vi lượng khác như Mn, Cu, Zn, B, Fe, Mo: tuy hàm lượng nhỏ nhưng có tác dụng thúc đẩy sự phát triển toàn diện của cây trồng, thiếu các nguyên tố vi lượng này cây trồng không thể phát triển bình thường.

Phân lân nung chảy là loại phân không tan trong nước mà tan hết trong dịch rễ cây tiết ra vì vậy phù hợp với nhiều loại đất khác nhau đặc biệt là đất chua phèn, chua trũng, lầy thụt, đất bazan, đất đồi núi, đất bạc màu...

#### **Phân đa dinh dưỡng NPK**

Phân NPK là hỗn hợp phân đạm – phân lân – phân kali. Hiện nay, Công ty cổ phần phân lân Ninh Bình đã đa dạng hóa các sản phẩm phân NPK để phù hợp với từng loại cây trồng và từng loại đất.

**Bảng 2: Một số sản phẩm phân đa dinh dưỡng NPK của Công ty**

NPK 5.10.3-8	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đạm (N) : 5%</li><li>- Lân (P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>): 10%</li><li>- Kali (K<sub>2</sub>O): 3%</li><li>- Lưu huỳnh (S): 8%</li><li>- Các nguyên tố trung lượng, vi lượng</li></ul>	Bón lót cho lúa, ngô, đậu tương và các loại cây trồng khác
NPK 5.12.3	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đạm (N) : 5%</li><li>- Lân (P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>): 12%</li><li>- Kali (K<sub>2</sub>O): 3%</li><li>- Canxi (CaO): 22%</li><li>- Magiê (MgO): 10%</li><li>- Silic (SiO<sub>2</sub>): 20%</li><li>- Các nguyên tố vi lượng: B, Zn, Mn, Cu, Co</li></ul>	Bón lót sâu, bón vùi phân trong đất cho các loại cây lúa, ngô cây màu, mía, dứa
NPK 6.12.2	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đạm (N) : 6%</li><li>- Lân (P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>): 12%</li><li>- Kali (K<sub>2</sub>O): 2%</li><li>- Canxi (CaO): 22%</li><li>- Magiê (MgO): 10%</li><li>- Silic (SiO<sub>2</sub>): 20%</li><li>- Các nguyên tố vi lượng: B, Zn, Mn, Cu, Co</li></ul>	Bón lót sâu, bón vùi phân trong đất cho các loại cây lúa, ngô cây màu, mía, dứa.
NPK 6.12.2.2	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đạm (N) : 6%</li><li>- Lân (P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>): 12%</li><li>- Kali (K<sub>2</sub>O): 2%</li></ul>	Bón lót sâu, bón vùi phân trong đất cho các



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Canxi (CaO): 22%</li> <li>- Magiê (MgO): 10%</li> <li>- Silic (SiO<sub>2</sub>): 20%</li> <li>- Lưu huỳnh (S): 2%</li> <li>- Các nguyên tố vi lượng: B, Zn, Mn, Cu, Co,...</li> </ul>	loại cây lúa, ngô cây màu, mía, dứa.
NPK 3.13.4.1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạm (N) : 3%</li> <li>- Lân (P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>): 13%</li> <li>- Kali (K<sub>2</sub>O): 4%</li> <li>- Canxi (CaO): 22%</li> <li>- Magiê (MgO): 12%</li> <li>- Silic (SiO<sub>2</sub>): 20%</li> <li>- Lưu huỳnh (S): 1%</li> <li>- Các nguyên tố vi lượng: B, Zn, Mn, Cu, Co,...</li> </ul>	Bón lót sâu, bón vùi phân trong đất cho cây lạc.
NPK 10.10.5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạm (N) : 10%</li> <li>- Lân (P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>): 10%</li> <li>- Kali (K<sub>2</sub>O): 5%</li> <li>- Canxi (CaO): 20%</li> <li>- Magiê (MgO): 8%</li> <li>- Silic (SiO<sub>2</sub>): 15%</li> <li>- Các nguyên tố vi lượng: B, Zn, Mn, Cu, Co, ...</li> </ul>	Bón lót sâu, bón vùi phân trong đất cho các loại cây lúa, ngô, cây màu, cao su và cà phê.
NPK 10.12.5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạm (N) : 10%</li> <li>- Lân (P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>) hữu hiệu: 12%</li> <li>- Kali (K<sub>2</sub>O): 5%</li> <li>- Canxi (CaO): 20%</li> <li>- Magiê (MgO): 8%</li> <li>- Silic (SiO<sub>2</sub>): 15%</li> <li>- Các nguyên tố vi lượng: B, Zn, Mn, Cu, Co, ...</li> </ul>	Bón lót sâu, bón vùi phân trong đất cho các loại cây lúa, ngô, cây màu, cao su và cà phê.
NPK 10.12.5.3 S 20CaO	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạm (N) : 10%</li> <li>- Lân (P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>): 12%</li> <li>- Kali (K<sub>2</sub>O): 5%</li> <li>- Canxi (CaO): 20%</li> <li>- Magiê (MgO): 10%</li> </ul>	Bón lót sâu, bón vùi phân trong đất cho các loại cây lúa, ngô, cây màu, cao su và cà phê.



	<ul style="list-style-type: none"><li>- Silic (<math>\text{SiO}_2</math>): 20%</li><li>- Lưu huỳnh (S): 3%</li><li>- Các nguyên tố vi lượng: B, Zn, Mn, Cu, Co,...</li></ul>	
NPK 10.10.12	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đạm (N) : 10%</li><li>- Lân (<math>\text{P}_2\text{O}_5</math>): 10%</li><li>- Kali (<math>\text{K}_2\text{O}</math>): 12%</li><li>- Canxi (<math>\text{CaO}</math>): 15%</li><li>- Magiê (<math>\text{MgO}</math>): 8%</li><li>- Silic (<math>\text{SiO}_2</math>): 13%</li><li>- Lưu huỳnh (S): 3%</li><li>- Các nguyên tố vi lượng: B, Zn, Mn, Cu, Co, ...</li></ul>	Bón sâu, bón vùi phân trong các tháng 5, tháng 7 và tháng 9 mỗi năm.
NPK 17.5.16.1	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đạm (N) : 17%</li><li>- Lân (<math>\text{P}_2\text{O}_5</math>): 5%</li><li>- Kali (<math>\text{K}_2\text{O}</math>): 16%</li><li>- Canxi (Cao): 10%</li><li>- Magiê (<math>\text{MgO}</math>): 5%</li><li>- Silíc (<math>\text{SiO}_2</math>): 8%</li><li>- Lưu huỳnh (S): 1%</li><li>- Các nguyên tố vi lượng: B, Zn, Mn, Cu, Co, ...</li></ul>	Bón thúc cho lúa.
NPK 16.16.8	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đạm (N) : 16%</li><li>- Lân (<math>\text{P}_2\text{O}_5</math>): 16%</li><li>- Kali (<math>\text{K}_2\text{O}</math>): 8%</li><li>- Canxi (Cao): 10%</li><li>- Magiê (<math>\text{MgO}</math>): 6%</li><li>- Silíc (<math>\text{SiO}_2</math>): 10%</li><li>- Các nguyên tố vi lượng: B, Zn, Mn, Cu, Co, ..</li></ul>	Bón thúc cho lúa và các loại cây.

Nguồn: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình



## ❖ Sản lượng qua các năm

**Bảng 3: Sản lượng sản xuất các dòng sản phẩm chính**

Đơn vị: Tấn

Sản phẩm chính	Năm 2011	Năm 2012	9 tháng năm 2013
Phân lân nung chảy	240.000	212.098	171.840
Phân NPK	80.000	40.000	43.940
<b>Tổng</b>	<b>320.000</b>	<b>252.098</b>	<b>215.780</b>

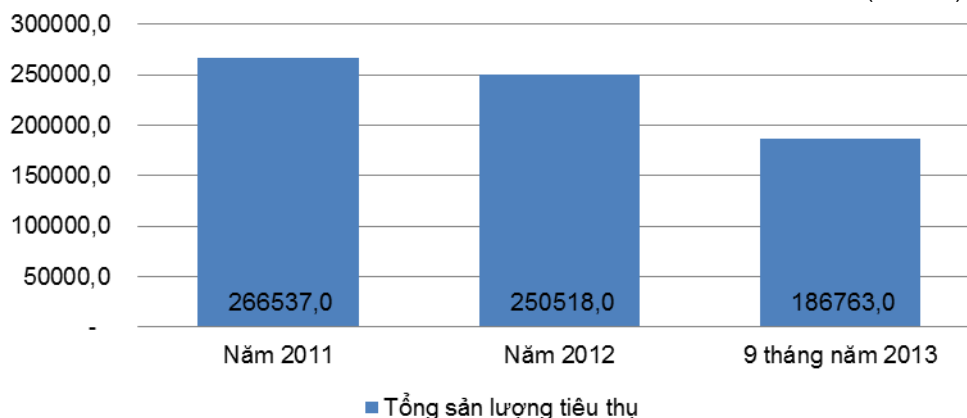
Nguồn: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình

Hai dòng sản phẩm chủ yếu của Công ty là phân lân nung chảy và các loại phân đa dinh dưỡng NPK. Trong cơ cấu sản lượng sản xuất, phân lân nung chảy là mặt hàng chủ đạo thường chiếm 70-80% tổng sản lượng sản xuất.

Về khâu tiêu thụ, nhìn chung trong giai đoạn từ năm 2011 cho đến 9 tháng đầu năm 2013, sản lượng tiêu thụ khá ổn định. Do nhu cầu thị trường trong năm 2012 giảm nhẹ, do đó tổng sản lượng tiêu thụ của năm 2012 đạt 250.518 tấn giảm 16.019 tấn, tương ứng tỷ lệ giảm 6,01% so với năm 2011.

**Hình 4: Sản lượng tiêu thụ giai đoạn từ năm 2011 cho đến 9 tháng đầu năm 2013**

(ĐV:Tấn)



Nguồn: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình



**Bảng 4: Cơ cấu doanh thu theo dòng sản phẩm giai đoạn từ năm 2011 đến 9 tháng đầu năm 2013**

STT	Dòng sản phẩm	Năm 2011		Năm 2012		9 tháng năm 2013	
		Doanh thu thuần (triệu đồng)	Tỷ trọng	Doanh thu thuần (triệu đồng)	Tỷ trọng	Doanh thu thuần (triệu đồng)	Tỷ trọng
1	Phân lân nung chảy	406.914	57,07%	477.264	61,96%	356.841	61,93%
2	Phân NPK	306.145	42,93%	291.868	37,89%	219.377	38,07%
3	Sản phẩm khác	-	-	1.178	0,15%	-	-
<b>Tổng</b>		<b>713.059</b>	<b>100%</b>	<b>770.310</b>	<b>100%</b>	<b>576.218</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình

**Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo dòng sản phẩm giai đoạn từ năm 2011 đến 9 tháng đầu năm 2013**

	Dòng sản phẩm	Năm 2011		Năm 2012		9 tháng năm 2013	
		Lợi nhuận gộp (triệu đồng)	Tỷ trọng Lợi nhuận gộp/DTT	Lợi nhuận gộp (triệu đồng)	Tỷ trọng Lợi nhuận gộp/DTT	Lợi nhuận gộp (triệu đồng)	Tỷ trọng Lợi nhuận gộp/DTT
1	Phân lân nung chảy	143.740	20,15%	161.461	20,96%	105.524	18,31%
2	Phân NPK	49.713	6,97%	56.400	7,32%	23.891	4,15%
3.	Sản phẩm khác	-	-	1.178	0,15%	-	-
<b>Tổng</b>		<b>193.453</b>	<b>27,12%</b>	<b>219.039</b>	<b>28,43%</b>	<b>129.415</b>	<b>22,46%</b>

Nguồn: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình



Do công tác bán hàng đạt hiệu quả tốt, doanh thu thuần của Công ty tăng khoảng 8,03% từ 713.059 triệu đồng năm 2011 lên 770.310 triệu đồng năm 2012, trong đó, doanh thu từ phân lân nung chảy tăng từ 406.914 triệu đồng năm 2011 lên 477.264 triệu đồng năm 2012, doanh thu từ việc bán các sản phẩm phân NPK giảm nhẹ từ 306.145 triệu đồng năm 2011 xuống 292.457 triệu đồng năm 2012. Đến 9 tháng đầu năm 2013, cơ cấu doanh thu của Công ty vẫn được giữ ổn định khi phân lân nung chảy vẫn chiếm trên 60%.

Năm 2012, Công ty có doanh thu, lợi nhuận của sản phẩm khác là than cám phát sinh từ nguyên liệu sản xuất.

Lợi nhuận gộp năm 2012 tăng 25.586 triệu đồng so với năm 2011, tương ứng với tỷ lệ tăng 13,23%. Nguyên nhân chủ yếu là do tốc độ tăng doanh thu lớn hơn tốc độ tăng giá vốn hàng bán.

#### ❖ **Mạng lưới tiêu thụ sản phẩm**

Về mạng lưới tiêu thụ các sản phẩm phân bón của Công ty bao phủ 54 tỉnh thành trên cả nước. Một số thị trường chính như TP. Hồ Chí Minh (26% tổng sản lượng), Đắk Lắk (14%), Gia Lai (9%), và Ninh Bình (8%). Nhìn chung, các thị trường lớn mà Công ty đang khai thác phân bố đều từ miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Điều này cũng giải thích cho việc chi phí bán hàng của Công ty khá cao do khâu vận chuyển.

Bên cạnh các thị trường truyền thống trong nước, trong năm vừa qua, Công ty cũng đã nỗ lực đưa sản phẩm ra thị trường xuất khẩu như Lào (8.000 tấn), Campuchia (2.100 tấn), và Nhật Bản (930 tấn), Hàn Quốc (6.000 tấn; Malaysia (4.000 tấn), Myanmar (2.000 tấn).

## **6.2. Nguyên vật liệu**

#### ❖ **Nguồn nguyên vật liệu**

Nguồn nguyên liệu chính đầu vào của quá trình sản xuất các sản phẩm Công ty bao gồm các loại quặng như: quặng Apatit, quặng Secpentin, quặng Sa thạch, than cục Vàng Danh, Uông Bí (Antraxit), phân đạm, phân kali. Các yếu tố đầu vào cho sản xuất phân lân Công ty đều có thể mua từ các nhà cung cấp trong nước.

**Bảng 6: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty**

STT	Nguyên vật liệu	Tên nhà cung cấp	Xuất xứ
1	Quặng Apatit	Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Việt Nam
2	Quặng Secpentin	Công ty TNHH Hoàng Ngân	Việt Nam
		Công ty CP Secpentin và phân bón Thanh Hóa	Việt Nam
3	Quặng Sa Thạch	Công ty TNHH Minh Đức Thanh Hóa	Việt Nam



STT	Nguyên vật liệu	Tên nhà cung cấp	Xuất xứ
4	Than cục	Tập đoàn công nghiệp than khoáng sản VN	Việt Nam
5	Vỏ bao	Công ty CP Bao bì Hải Phòng	Việt Nam
6	Vận chuyển quặng	Xí nghiệp dịch vụ vận tải thương mại & đường sắt Hà Nội	Việt Nam

*Nguồn: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình*

#### ❖ Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty tương đối dồi dào. Ngoài phân Kali Công ty phải mua qua các nhà nhập khẩu từ nước ngoài thì các loại nguyên vật liệu đầu vào khác đều có thể sử dụng sản phẩm của các nhà cung cấp trong nước.

Phân lân nung chảy được chế biến từ quặng Apatit, quặng Secpentin, quặng sa thạch và than cục. Trong giá thành sản phẩm phân lân nung chảy, Quặng apatit chiếm 38%, quặng Secpentin chiếm 7%, quặng sa thạch chiếm 1% và than cục chiếm 28%. Quặng Apatit được khai thác từ mỏ Apatit Lào Cai, đây là mỏ có trữ lượng quặng Apatit rất lớn và duy nhất tại Việt Nam, cung cấp gần như toàn bộ quặng Apatit làm nguyên liệu cho sản xuất phân lân. Trữ lượng của mỏ lớn tuy nhiên các Công ty sản xuất phân lân đôi khi bị thiếu nguyên liệu do khả năng vận chuyển quặng của ngành đường sắt đến các nhà máy còn yếu. Quặng Secpentin và quặng sa thạch được mua từ các Công ty khai thác quặng tại các mỏ ở Thanh Hóa và Ninh Bình. Trữ lượng Secpentin tại các mỏ Thanh Hóa tương đối dồi dào. Than cục được chế biến từ than antraxit nội địa Vàng Danh, Uông Bí.

Sản phẩm phân NPK được phối trộn giữa phân lân, phân đạm và phân Kali. Công ty tự sản xuất phân lân để cung cấp cho quá trình sản xuất phân NPK. Các thành phần đạm và phân Kali được Công ty mua từ các nhà cung cấp. Trong giá thành sản phẩm phân NPK, tỷ trọng trung bình phân đạm là 34% và tỷ trọng phân Kali chiếm 25%. Phân đạm có thể được chế biến từ hai nguồn nhiên liệu là than đá và khí thiên nhiên. Việt Nam đang có thế mạnh ở cả hai nguồn nguyên liệu này. Hiện tại ở Việt Nam không có mỏ khai thác kali nên nước ta phải nhập khẩu toàn bộ phân Kali.





## ❖ Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu và lợi nhuận

Bảng 7: Giá thành bình quân các nguyên vật liệu chính của Công ty

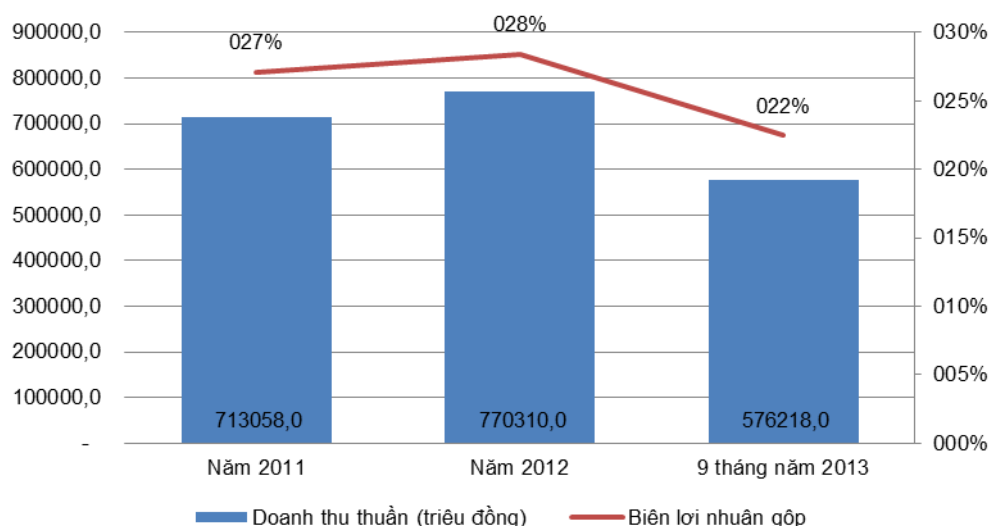
STT	Tên nguyên vật liệu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013 (tính đến ngày 31/10)	
		Sản lượng nhập (tấn)	Giá bình quân (đồng/tấn)	Sản lượng nhập (tấn)	Giá bình quân (đồng/tấn)	Sản lượng nhập (tấn)	Giá bình quân (đồng/tấn)
1	Than	61.348	2.686.098	45.801	3.217.782	40.530	3.292.053
2	Quặng Apatit	162.801	698.333	162.912	804.028	147.606	890.274
3	Quặng Secpentin	100.270	223.119	84.082	248.495	68.363	252.507
4	Đạm	13.051	9.003.606	4.702	9.185.078	7.976	8.629.042
5	Kali	5.489	10.643.211	2.520	11.209.808	3.118	10.858.479

*Nguồn: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình*

Trong năm 2012, hầu hết các nguyên liệu đầu vào chính phục vụ cho sản xuất của công ty đều có xu hướng tăng giá. Sang đến năm 2013, ngoại trừ than, quặng Apatit và quặng Secpentin tăng giá nhẹ thì đạm và kali đều giảm giá chung với tình hình thế giới và sự cạnh tranh từ nguồn cung nhập khẩu Trung Quốc. Nhờ chính sách quản lý giá và bán hàng tốt, Công ty vẫn duy trì được tăng trưởng doanh thu trong những năm vừa qua. Biên lợi nhuận gộp ít bị ảnh hưởng và chỉ dao động nhỏ từ 27,13% năm 2011 lên 28,44% năm 2012, và theo kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2013, đạt 22,46% (xem hình dưới đây).



**Hình 5: Biến động doanh thu và lợi nhuận gộp giai đoạn  
từ năm 2011 cho đến 9 tháng đầu năm 2013**



Nguồn: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình

### 6.3. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

Quản lý chi phí luôn là một trong những công tác trọng tâm của Công ty và được lên kế hoạch chi tiết cho từng tháng, quý và năm. Đặc biệt, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cấu thành nên sản phẩm được kiểm soát chặt chẽ, các hợp đồng mua bán đều được đàm phán theo đúng trình tự, thủ tục quy định, đảm bảo các yêu cầu về cạnh tranh, tiết kiệm và chất lượng nguyên vật liệu.

**Bảng 8: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh giai đoạn  
từ năm 2011 cho đến 9 tháng đầu năm 2013**

Đơn vị: triệu đồng

Chi phí	2011		2012		9 tháng năm 2013	
	Giá trị	% DT thuần	Giá trị	% DT thuần	Giá trị	% DT thuần
Giá vốn hàng bán	519.606	72,87%	551.271	71,56%	446.803	77,54%
Chi phí tài chính	11.739	1,65%	12.240	1,59%	5.328	0,92%



Chi phí	2011		2012		9 tháng năm 2013	
	Giá trị	% DT thuần	Giá trị	% DT thuần	Giá trị	% DT thuần
Chi phí bán hàng	102.462	14,37%	93.604	12,15%	68.892	11,95%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.851	2,50%	36.997	4,80%	15.185	2,63%
<b>Tổng cộng</b>	<b>651.658</b>	<b>91,39%</b>	<b>694.112</b>	<b>90,11%</b>	<b>536.208</b>	<b>93,04%</b>

Nguồn: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình

Trong cơ cấu chi phí của Công ty, ngoài chi phí giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng cũng chiếm tỷ trọng cao trên doanh thu thuần. Chi phí này chủ yếu là chi phí vận chuyển hàng vào các thị trường phía nam. Ngoài ra, còn có các loại chi phí khác như chi phí thuê kho, bốc xếp, chi phí quảng cáo và các chi phí của nhân viên bán hàng. Trong những năm vừa qua, trong khi doanh thu thuần của Công ty vẫn tăng trưởng vững chắc thì tỷ trọng chi phí bán hàng đã ngày càng giảm do tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả bán hàng. Các chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ không đáng kể trên doanh thu thuần.

Trong năm 2012, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cao từ 17.851 triệu đồng năm 2011 lên 36.997 triệu đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2012, Công ty trích lập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi là 15.562 triệu đồng.

#### 6.4. Trình độ công nghệ

Nhà máy bao gồm 4 xưởng chính là: Phân xưởng Lò Cao, Phân xưởng Sấy Nghiền, Phân xưởng Nguyên Liệu, Phân xưởng Cơ điện. Nhà máy thường xuyên được bảo dưỡng và nâng cấp. Hệ thống máy móc của Công ty được chính Công ty chế tạo và bảo dưỡng. Công ty có Phân xưởng Cơ điện riêng, chuyên chế tạo máy móc thiết bị chuyên dụng để phục vụ sản xuất các sản phẩm của Công ty.

Công ty có hai dây chuyền sản xuất NPK, tự động hóa khâu cấp lân, đạm, kali và đưa vào sản xuất ổn định, nâng cao chất lượng sản phẩm. Ngoài ra, năm 2009 Công ty chuyển đổi sang công nghệ chạy lò cao sản xuất bán thành phẩm lân có cỡ hạt đồng đều, phục vụ cho sản xuất sản phẩm NPK. Sản phẩm NPK khi đưa ra thị trường lưu thông tiêu thụ được khách hàng rất tin tưởng.

Năm 2012, Công ty đã đầu tư thêm 2 lò đốt lò cao số 1 và số 2, đốt triệt để khí thải nhằm đảm bảo môi trường, giảm tiêu hao điện than, tăng thời gian lò chạy dài ngày. Công ty cũng tiến hành tập trung thu hồi triệt để các chất thải rắn để bổ sung nguồn nguyên liệu tái chế sản xuất, thực hành tiết kiệm vật tư, nguyên nhiên liệu, năng lượng trong chi phí sản xuất.



Bảng 9: Một số thiết bị, máy móc chính của Công ty

TT	Máy móc thiết bị	Xuất xứ	Năm sản xuất
1	Dây chuyền thiết bị lò cao số 1	Việt Nam chế tạo	1986
2	Dây chuyền thiết bị lò cao số 2	Việt Nam chế tạo	1986
3	Dây chuyền thiết bị lò cao số 3	Việt Nam chế tạo	2000
4	Lò đốt lò cao số 1	Việt Nam chế tạo	2012
5	Lò đốt lò cao số 2	Việt Nam chế tạo	2012
6	Thiết bị máy nghiền lân số 1	Việt Nam chế tạo	1985
7	Thiết bị máy nghiền lân số 2	Việt Nam chế tạo	1985
8	Thiết bị máy nghiền lân số 3	Việt Nam chế tạo	1985
9	Thiết bị máy nghiền lân số 4	Việt Nam chế tạo	1985
11	Thiết bị dây chuyền trộn NPK số 1	Việt Nam chế tạo	2009
12	Thiết bị dây chuyền trộn NPK số 2	Việt Nam chế tạo	2009
13	Thiết bị dây chuyền vè viên	Việt Nam chế tạo	2005
14	Thiết bị máy sấy lân số 1	Việt Nam chế tạo	1985
15	Thiết bị máy sấy lân số 2	Việt Nam chế tạo	2005

*Nguồn: Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình*

**Hình 6: Một số thiết bị, máy móc chính của Công ty**



### 6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

Hiện nay Công ty cổ phần phân lân Ninh Bình đang duy trì bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm trong Phòng kỹ thuật. Chức năng chính của bộ phận này là chuyên nghiên cứu về sản phẩm mới, bao gồm:

- Nghiên cứu về thị trường tiêu thụ sản phẩm: nghiên cứu đặc tính của từng vùng đất, cây trồng và đưa ra các sản phẩm có thông số kỹ thuật phù hợp với từng loại đất và cây trồng.
- Nghiên cứu về quy trình sản xuất: nghiên cứu về quy trình sản xuất sản phẩm, đưa ra các tỷ lệ phối trộn hợp lý và tiết kiệm nguyên liệu
- Nghiên cứu về máy móc thiết bị sản xuất: nghiên cứu về máy móc mới và đề xuất thay thế bảo dưỡng nếu cần
- Nghiên cứu về công suất chế biến: đưa ra công suất chế biến phù hợp với nhu cầu của thị trường
- Nghiên cứu về ứng dụng của sản phẩm vào thị trường.

**Hình 7: Phòng nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm**



Trong năm 2012 và 2013, Công ty tiếp tục đầu tư, nghiên cứu và hoàn thiện công nghệ lân chất lượng cao hạt to xuất khẩu và công nghệ sản xuất NPK dạng viên 1 màu, thêm chủng loại NPK viên 16.16.8 xuất khẩu sang Lào. Trong năm, Công ty sản xuất được 5.929 tấn NPK dạng viên (chiếm 15% tổng sản lượng sản xuất).

### 6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Hiện nay Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình đang áp dụng quy trình quản lý chất lượng ISO 9001:2000. Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm của Công ty được tiến hành như sau:

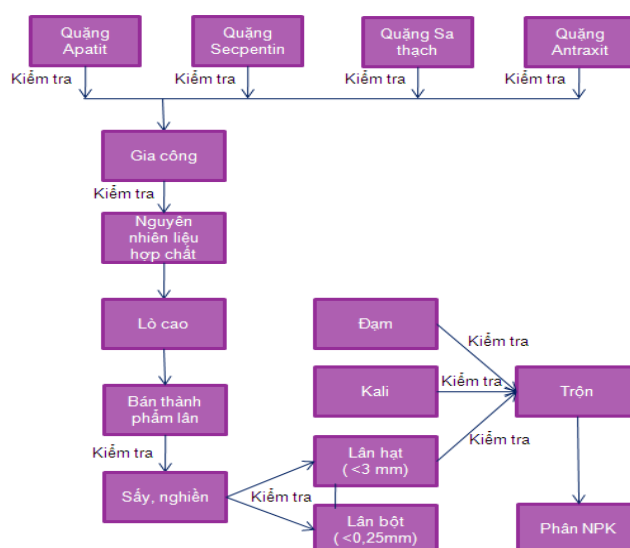
Các nguyên, nhiên liệu cho sản phẩm lân nung chảy cao gồm quặng Apatit, quặng Sa thạch, quặng Séc-pentin, than cục được bộ phận KCS của công ty kiểm tra chất lượng trước khi nhập vào kho của Công ty. Từ kho của Công ty, các nguyên nhiên liệu được xuất cho phân xưởng Nguyên liệu để gia công về dạng hợp cách. Bộ phận

KCS kiểm tra nguyên liệu hợp cách đủ tiêu chuẩn mới cấp cho Phân xưởng lò cao đưa vào sản xuất bán thành phẩm lân. Bán thành phẩm lân ra khỏi lò cao được bộ phận KCS kiểm tra đủ điều kiện chuyển qua phân xưởng sấy nghiền để sấy khô, nghiền nhỏ. Sản phẩm lân hạt được bộ phận KCS kiểm tra chất lượng đủ tiêu chuẩn cho đóng bao nhập kho hoặc xuất cho sản xuất NPK, sản phẩm lân bột được KCS kiểm tra chất lượng đủ tiêu chuẩn cho đóng bao nhập kho và xuất cho khách hàng.

Các nguyên liệu sản xuất phân NPK gồm đạm, kali, lân hạt phải đạt tiêu chuẩn.

Các loại phân đạm, phân Kali nhập về Công ty được bộ phận KCS kiểm tra đảm bảo chất lượng cho nhập kho Công ty. Từ kho Công ty Đạm và Kali được xuất cho phân xưởng Sấy nghiền để sản xuất NPK trộn quá trình sản xuất KCS lấy mẫu kiểm tra chất lượng phân NPK sản phẩm phân NPK đủ tiêu chuẩn cho đóng bao nhập kho và xuất cho khách hàng.

**Hình 8: Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm**



Nguồn: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình

## 6.7. Hoạt động marketing

### ❖ Chính sách Marketing

Hình thức quảng bá hình ảnh Công ty hiệu quả nhất chính là việc cung ứng các sản phẩm có chất lượng tốt đem lại niềm tin và sự hài lòng của khách hàng. Công ty đã xây dựng chính sách chất lượng theo đó: “Cung cấp những sản phẩm phân bón chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia; tùy theo loại đất; tùy theo loại cây; tùy theo thời kỳ phát triển của cây trồng phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và thỏa mãn những mong đợi của khách hàng”.

Do đặc thù của ngành, bên cạnh việc thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng sản phẩm, Công ty rất chú trọng công tác giới thiệu và phân phối sản phẩm. Sự cạnh tranh trong việc phân phối các sản phẩm của ngành phân





bón rất cao nên Công ty chú trọng đến công tác xây dựng các chính sách marketing cũng như đội ngũ nhân lực làm marketing.

Hiện tại, Công ty đang sử dụng rất nhiều các hình thức quảng cáo và tài trợ khác nhau như:

- Quảng cáo trên kênh truyền hình VTV1, trên các đài phát thanh của tỉnh và địa phương như: VOV 1, đài phát thanh của tỉnh Ninh Bình, Thái Bình, Hải Phòng, Hà Nam, Nam Định, Đồng Bằng Sông Cửu Long, các tỉnh Miền trung Quảng Nam, Quảng Ngãi.
- Công ty thực hiện treo biển quảng cáo trên một số tuyến đường chính: tuyến đường cao tốc Pháp Vân, ở Đồng Tháp 10, Quảng Nam, Nha Trang và Buôn Ma Thuột Đắk Lắk.
- Hàng năm Công ty thường xuyên tổ chức các hội nghị khách hàng, hội thảo phân bón tại Công ty và các địa điểm khách hàng.

#### ❖ **Các chính sách marketing trong tương lai**

Trong tương lai, Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình vẫn tiếp tục chú trọng đến sản phẩm phân lân nung chảy truyền thống đồng thời không ngừng đa dạng hoá các loại sản phẩm phân đa dinh dưỡng NPK chuyên dùng cho các loại cây và các loại đất khác nhau.

Công ty sẽ thực hiện các chính sách phát triển thương hiệu hàng năm như: Quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng, tờ rơi quảng cáo và tổ chức các lớp giới thiệu sản phẩm và kỹ thuật sử dụng phân bón Ninh Bình; và tham gia tài trợ các giải thể thao, hội trợ triển lãm.

#### ❖ **Các hình thức phân phối sản phẩm:**

Hiện nay Công ty đã xây dựng được mạng lưới phân phối rộng khắp cả nước. Hệ thống phân phối của Công ty như sau:



Để giảm thiểu rủi ro của nợ khó đòi, năm 2012, Công ty đã dừng việc bán đầu tư, bán chịu cho các tổ chức như hợp tác xã, hội nông dân, v...v... và tập trung bán cho các đại lý thu tiền ngay. Công ty cũng tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống đại lý cấp 1 phía Bắc đủ năng lực bán hàng đến các đại lý cấp dưới cho bà con nông dân.

Công ty xác định việc phát triển và nâng cao kỹ năng của các nhân viên bán hàng là hết sức quan trọng. Do đó, hàng năm, công ty tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng bán hàng cho nhân viên. Đồng thời, chế độ lương thưởng của các nhân viên kinh doanh gắn liền với doanh số bán hàng của mỗi nhân viên. Công ty cũng thực hiện các chính sách hỗ trợ bán hàng đến từng xã, chính sách bán hàng cho tổng đại lý thông qua chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, hỗ trợ chi phí bốc xếp, vận chuyển, và linh hoạt trong cơ chế lưu kho...





Bên cạnh đó, việc bước đầu gia tăng được thị trường xuất khẩu đến các quốc gia như Lào, Campuchia, Nhật Bản, v...v... cũng khẳng định nỗ lực trong công tác phát triển thị trường của Công ty.

#### **6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

##### **❖ Logo và nhãn hiệu của Công ty**



##### **❖ Ý nghĩa logo**

Phần hình: 3 hạt lúa to chắc mẩy tượng trưng cho mùa màng bội thu do phân bón đem lại, niềm vui người nông dân nhìn thấy thành quả lao động của mình

Phần chữ: NIFERCO tên tiếng Anh viết tắt của Công ty phân lân Ninh Bình trước đây Công ty cổ phần phân lân Ninh Bình ngày nay.

Khẩu hiệu: **“Cây no đủ, mùa bội thu”**

##### **❖ Đăng ký nhãn hiệu thương mại**

Công ty đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 83572 ngày 28 tháng 06 năm 2007.



## 6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 10: Một số hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Đối tác	Lượng sản phẩm (tấn)	Trị giá (đồng)	Thời gian thực hiện
1	Công ty TNHH Bằng Tuyên	5,000	23.325.000.000	2013-2014
2	Công ty TNHH Phương Tâm Ninh Bình	12,000	55.980.000.000	2013-2014
3	Công ty TNHH Đáp Thành	6,000	27.990.000.000	2013-2014
4	Nguyễn Thành Long	5,000	23.325.000.000	2013-2014
5	DNTN Hà Bắc	5,000	23.325.000.000	2013-2014
6	Công ty TNHH MTV KC Hà Tĩnh	12,000	56.880.000.000	2013-2014
7	Công ty TNHH TM VTTH Toàn Văn	7,000	32.795.000.000	2013-2014
8	Công ty TNHH Vạn Ninh	3,000	16.020.000.000	2013-2014
9	Công ty TNHH Mạnh Châu	4,000	21.360.000.000	2013-2014
10	Công ty Cổ phần VTKTNN Quảng Trị	10,000	41.000.000.000	2013-2014
11	Công ty TNHH TM và DV Quang Minh	15,000	42.750.000.000	2013-2014
12	Công ty TNHH Như Linh	8,000	22.400.000.000	2013-2014
13	Công ty CP VTNN Gia Lai	11,700	32.760.000.000	2013-2014
14	Công ty TNHH MTV Minh Tân	16,000	44.080.000.000	2013-2014
15	DNTN Thương mại Lê Tuấn	15,000	41.325.000.000	2013-2014
16	Công ty CP XNK HC Miền Nam	70,000	191.450.000.000	2013-2014
17	Công ty CP VTNN Tiền Giang	10,000	27.820.000.000	2013-2014



Tổng cộng

186.700

593.965.000.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình

## 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### 7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2011, 2012 và 9 tháng đầu năm 2013

**Bảng 11: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn từ năm 2011 đến 9 tháng đầu năm 2013**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng/giảm	9 tháng năm 2013
Tổng giá trị tài sản	360.386	308.782	-14,32%	285.504
Vốn chủ sở hữu	192.873	201.910	+4,69%	198.743
Doanh thu thuần	713.059	770.310	+8,03%	576.218
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	62.784	79.316	+26,33%	43.073
Lợi nhuận khác	1.257	3.049	+142,56%	1.034
Lợi nhuận trước thuế	64.041	82.365	+28,61%	44.107
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	55.494(*)	63.697	+14,78%	35.286
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	63,00%	82,32%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	29,39%	32,27%	-	-

Nguồn: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình



(\*) Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Biên bản kiểm toán Nhà nước về BCTC năm 2011, Công ty đã điều chỉnh lợi nhuận sau thuế của năm 2011 tại BCTC kiểm toán năm 2012. Theo đó, lợi nhuận sau thuế năm 2011 tăng từ 44.435 triệu đồng lên 55.494 triệu đồng.

Tổng tài sản của Công ty giảm 14,32% từ 360.386 triệu đồng năm 2011 xuống 308.782 triệu đồng năm 2012. Đến 30/9/2013, tổng giá trị tài sản tiếp tục giảm xuống 285.504 triệu đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2012, 9 tháng đầu năm 2013 Công ty đã giảm các khoản phải thu, giảm các khoản nợ vay và các khoản phải trả.

Doanh thu năm 2012 tăng nhẹ khoảng 57 tỷ đồng, tương đương 8% so với năm 2011 do công tác bán hàng đạt hiệu quả tốt. Bên cạnh đó, trong năm 2012, do tốc độ tăng doanh thu lớn hơn tốc độ tăng giá vốn; chi phí lãi vay giảm do số dư nợ vay và lãi suất vay đã được giảm so với năm 2011. Từ đó, các chỉ tiêu lợi nhuận cũng tăng trưởng theo, cụ thể, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 16.532 triệu đồng (tương đương 26,33%) và lợi nhuận sau thuế tăng 14,78% từ mức 55,5 tỷ năm 2011 lên 63,7 tỷ năm 2012.

Lợi nhuận khác năm 2012 tăng so với năm 2011 là 1,79 tỷ, tương ứng tăng 142,51% do Công ty tăng thu nhập thanh lý một số tài sản đã hết khấu hao và hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không sử dụng hết.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 9 tháng đầu năm 2013 đạt kết quả tốt. Doanh thu thuần đạt khoảng 576 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt gần 35,3 tỷ đồng tương ứng đạt 74,81% và 72,33% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2013.

## **7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo**

### **❖ Thuận lợi**

#### ***Nền kinh tế trong giai đoạn hồi phục***

Từ năm 2012 đến đầu năm 2013, nền kinh tế Việt Nam đã bắt đầu phục hồi, Các công cụ chính sách kinh tế vĩ mô kích thích sự tăng trưởng kinh tế của Chính phủ đã bước đầu phát huy hiệu quả và đem lại những cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp Việt Nam.

#### ***Sự nhạy bén của Công ty với thị trường***

Trong quá trình hội nhập nền kinh tế thị trường, nhờ việc sớm cổ phần hóa và thực hiện các chính sách nhạy bén thích ứng với những thay đổi thị trường, Công ty đã tạo dựng được vị thế vững chắc trên thị trường tiêu thụ phân bón Việt Nam. Bên cạnh đó, vì đã có kinh nghiệm hoạt động lâu năm trong ngành sản xuất phân bón nên chất lượng sản phẩm của Công ty rất ổn định đặc biệt là sản phẩm phân lân nung chảy.

#### ***Chất lượng sản phẩm tốt***

Chất lượng sản phẩm của Công ty ổn định và có uy tín trên thị trường. Các sản phẩm phân lân nung chảy và phân NPK của Công ty đều là các loại phân bón dạng chậm tan với những ưu điểm nổi bật như:



- Các chất dinh dưỡng trong phân được giải phóng từ từ, đảm bảo cây trồng có đủ dinh dưỡng cần thiết ở mọi giai đoạn.
- Giảm thiểu công lao động
- Giảm chi phí đầu tư cho người sản xuất
- Cây trồng ít bị sâu bệnh, giảm số lần phun thuốc trừ sâu.
- Đảm bảo môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm.

***Đáp ứng sự thay đổi thị hiếu tiêu thụ***

Tại Việt Nam, trong những năm gần đây, xu thế sử dụng phân bón có nhiều thay đổi. Thị hiếu tiêu thụ chuyển từ phân đơn sang phân bón đa lượng và chuyển từ phân tan nhanh sang phân tan chậm. Vì vậy các loại phân bón đa lượng như phân lân nung chảy, phân NPK, phân DAP đang có lợi thế tiêu thụ hơn so với phân Urê và supe phốt phát lân.

Các tác động của biến đổi khí hậu, tình trạng đô thị hóa, công nghiệp hóa, phát triển hạ tầng làm diện tích đất nông nghiệp ngày càng giảm và chất lượng đất trồng ngày càng cằn cỗi. Để đảm bảo sản lượng nông sản, người nông dân phải bón những loại phân bón có chất lượng tốt và không có hại cho đất trồng. Sản phẩm phân lân nung chảy của Công ty được đánh giá là một trong những sản phẩm phân bón có tính bền vững, thân thiện với môi trường và có tác dụng cải tạo đất. Do vậy, sản phẩm phân lân nung chảy sẽ là một trong những lựa chọn đúng đắn của bà con nông dân.

***Vị trí địa lý thuận lợi***

Ngoài ra, lợi thế về vị trí địa lý cũng tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc thực hiện các công tác thu mua, vận chuyển các nguồn nguyên vật liệu và công tác vận chuyển sản phẩm đến người tiêu dùng:

- Về đường bộ: Công ty nằm trên đường quốc lộ 1A
- Về đường biển: Công ty cách cảng biển Ninh Bình khoảng 10km
- Về đường sắt: Công ty có hệ thống đường sắt vào tận Công ty

***Đội ngũ kỹ thuật viên và công nhân lành nghề***

Yếu tố quan trọng tạo nên sự thành công của Công ty trong những năm qua và tiếp tục phát triển trong tương lai chính là khả năng tự chế tạo, bảo dưỡng máy móc trang thiết bị và đội ngũ nhân viên lành nghề.

Bên cạnh đó Công ty cũng thực hiện các chính sách đầu tư, phát triển thương hiệu trên thị trường nhằm thu hút các khách hàng tiềm năng và không ngừng mở rộng phát triển thị trường mới.

***❖ Khó khăn******Khả năng xuất khẩu sản phẩm thấp***



Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, trong những năm qua Công ty vẫn còn một số khó khăn nhất định. Khả năng xuất khẩu sản phẩm phân bón ra nước ngoài không cao do ở các nước phát triển hiện nay lượng phân bón hóa học sử dụng có xu hướng giảm xuống và sự thâm nhập sản phẩm công ty chưa được nhiều tại các nước trong khu vực và thế giới.

#### ***Gia tăng cạnh tranh trong ngành***

Sự cạnh tranh của các doanh nghiệp khác trong ngành cũng làm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Các nhà máy sản xuất phân bón Việt Nam hiện nay có khả năng sản xuất hơn hai triệu tấn phân Urê, khoảng 1,2 triệu tấn super lân, 700.000 tấn lân nung chảy, xấp xỉ 4 triệu tấn NPK. Ngoài các công ty sản xuất phân bón trong nước, trên thị trường còn có các Công ty tham gia nhập khẩu phân bón của Trung Quốc. Hiện nay, thị trường trong nước có tới hàng trăm doanh nghiệp nhập khẩu phân bón, tiêu biểu như: Vinacam, Công ty Cổ phần vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, Công ty Cổ phần vật tư nông sản, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh, Công ty Cổ phần Mai Khôi, Công ty Cổ phần Huỳnh Sáng và Tổng Công ty Vật tư nông nghiệp Nghệ An... Việc này tạo áp lực cạnh tranh lớn đến các doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước nói chung và Công ty cổ phần phân lân Ninh Bình nói riêng.

#### ***Giá cả nhiên liệu và giá bán sản phẩm biến động***

Giá của nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất và giá bán các loại phân trong nước có những biến động khó lường gây ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

#### ***Sản phẩm thay thế***

Trên thị trường phân bón hiện nay, ngoài sản phẩm phân lân nung chảy và phân NPK còn có các sản phẩm khác như: Phân Urê, Phân Super lân, phân DAP, phân bón hữu cơ và phân bón chuyên dùng, phân bón vi lượng. Các sản phẩm này đều có khả năng thay thế các sản phẩm của Công ty.

### **8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành**

#### **❖ Vị thế của Công ty trong ngành**

Ngành phân bón hiện nay có đến hàng trăm doanh nghiệp sản xuất phân vô cơ và hàng nghìn doanh nghiệp sản xuất phân hữu cơ, vi sinh. Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình nằm trong số 15 doanh nghiệp lớn đầu ngành với các sản phẩm chính là phân lân nung chảy và phân đa dinh dưỡng NPK. Những năm qua Công ty đã có được sự tăng trưởng ổn định, thương hiệu NIFERCO có được chỗ đứng uy tín trên thị trường. Năm 2013, Công ty đạt giải thưởng “Sao Vàng Đất Việt TOP 100”. Kết quả trên đã khẳng định được vị thế của doanh nghiệp trên thị trường cũng như sự tin cậy của khách hàng đối với sản phẩm của Công ty.

#### ***Sản phẩm phân lân nung chảy***

Trước năm 2010, Việt Nam chỉ có hai công ty sản xuất phân lân nung chảy là Công ty phân lân Văn Điển và Công ty cổ phần phân lân Ninh Bình. Công suất sản xuất phân lân nung chảy của Công ty cổ phần phân lân



Ninh Bình 300.000 tấn/năm chiếm 50% tổng sản lượng sản xuất của cả nước. Bước sang năm 2010, thị trường có thêm Công ty cổ phần Super phốt phát và hóa chất Lâm Thao sản xuất sản phẩm phân lân nung chảy với công suất 300.000 tấn/năm tuy nhiên hiện tại mới đang chạy thử với công suất khoảng 140.000 tấn/năm (nguồn: Hiệp hội phân bón Việt Nam). Dự kiến trong tương lai sẽ có thêm 3 nhà máy mới với tổng công suất 500.000 tấn/năm tại Lào Cai, Thanh Hóa,...

#### *Sản phẩm phân NPK*

Các sản phẩm phân NPK của Công ty khi đưa vào tiêu thụ rất được khách hàng ưa chuộng và tin tưởng.

Hiện nay, Việt Nam có khoảng hàng trăm đơn vị sản xuất phân NPK, đa dạng cả về thiết bị máy móc lẫn dây chuyền công nghệ và tổng công suất đạt 3,7 triệu tấn phân NPK mỗi năm (nguồn: Hiệp hội Phân bón Việt Nam). Công ty nằm trong số 6 công ty hàng đầu về sản xuất phân NPK tại Việt Nam, với công suất 150.000 tấn/năm.

Ngoài ra, các sản phẩm của Công ty đang được xuất khẩu sang một số nước như Hàn Quốc, Nhật Bản, Lào, Campuchia.

#### ❖ **Triển vọng phát triển của ngành**

Sản xuất phân bón nhằm mục đích phục vụ sản xuất nông sản. Tuy nhiên do đầu ra cho xuất khẩu nông sản chưa được khai thông, giá nông sản vẫn trời sụt thất thường nên xu hướng tiết kiệm phân bón nhằm giảm thiểu chi phí sản xuất ngày càng trở nên phổ biến hơn.

Thị trường phân bón trong nước 9 tháng đầu năm 2013 trong xu hướng giảm giá cùng với giá thế giới. Lượng tiêu thụ trong tháng 9 vẫn yếu do các tỉnh miền Đông đã qua thời kỳ chăm sóc các loại cây công nghiệp và tình hình mưa bão tại các địa phương. Với năng lực hiện tại của các nhà máy trong nước, ngành phân bón đủ khả năng đáp ứng trên 80% nhu cầu sử dụng.

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch nhập khẩu phân bón 9 tháng đầu năm 2013 đạt 3,3 triệu tấn, trị giá 1,2 tỷ USD tăng 20,5% về lượng và tăng 5,3% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Trung Quốc vẫn là thị trường chính cung cấp phân bón cho Việt Nam với hơn 40% thị phần. Tuy nhập khẩu phân bón tiếp tục đà tăng trưởng nhưng theo định hướng phát triển ngành khi mà một số dự án nhà máy mới đang được xây dựng, trong tương lai nguồn cung không những có thể đáp ứng được nhu cầu phân bón trong nước mà còn có thể xuất khẩu ra nước ngoài

**Bảng 12: Một số dự án nhà máy sản xuất tiêu biểu**

Dự án	Sản phẩm	Công suất (tấn/năm)
Dự án nhà máy Kali tại Lào	Phân Kali	320.000

Dự án	Sản phẩm	Công suất (tấn/năm)
Dự án nhà máy đạm của Công ty Công Thanh, Thanh Hóa	Phân Urê	560.000
Nhà máy DAP số 2 Lào Cai	Phân DAP	330.000

❖ **So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành**

Hiện tại ngành phân bón có hai doanh nghiệp hoạt động tốt đang niêm yết là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (DPM) và Công ty Cổ phần Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao (LAS). Bên cạnh đó, một đối thủ trực tiếp có quy mô hoạt động tương đương với Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình (NFC) là Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển (VAFCO). Các chỉ tiêu về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp được so sánh theo bảng dưới đây:

**Bảng 13: So sánh các chỉ tiêu tài chính**

Năm 2012	Đơn vị	DPM	LAS	VAFCO	NFC
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>					
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	5,16	1,65	2,21	<b>2,71</b>
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	4,32	0,35	1,05	<b>1,23</b>
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>					
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,13	0,56	0,42	<b>0,35</b>
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,16	1,30	0,72	<b>0,53</b>
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>					
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,72	2,12	2,20	<b>3,09</b>
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,34	1,79	1,48	<b>2,30</b>
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>					
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	22,65	8,77	7,86	<b>8,27</b>
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	35,11	37,65	18,66	<b>32,27</b>
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	30,36	15,70	11,61	<b>19,04</b>
- Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt	%	26,83	11,34	10,34	<b>10,30</b>





---

động kinh doanh/Doanh thu  
thuần

---

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 của các công ty*

❖ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới**

Các kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty được xây dựng phù hợp với định hướng của “Quy hoạch phát triển hệ thống sản xuất và hệ thống phân phối mặt hàng phân bón giai đoạn 2011-2020, có xét đến năm 2025” được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt theo quyết định số 6868/QĐ-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2010.

Mục tiêu của Công ty là tiếp tục duy trì sản xuất ổn định, phát triển bền vững. Theo đó, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư chiều sâu, khai thác tốt tiềm năng, nội lực của Công ty nhằm nâng cao năng lực sản xuất, năng suất thiết bị công nghệ, năng suất lao động, chất lượng sản phẩm hàng hóa, thực hành tiết kiệm để giảm các chi phí sản xuất xuống mức thấp nhất góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng sức cạnh tranh với sản phẩm phân bón cùng loại trên thị trường trong và ngoài nước.

Xu thế chung của thế giới hiện nay là sử dụng phân bón hữu cơ chất lượng cao, hạn chế phân bón hóa học. Do đó, Công ty tiếp tục tập trung đầu tư khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến. Các sản phẩm mới với những ứng dụng mới sẽ được nghiên cứu và mở rộng phát triển thêm. Các sản phẩm ngày càng được đa dạng hóa để thích hợp với từng loại đất và từng loại cây trồng và từng thời điểm sử dụng khác nhau.

Phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm chi phí đầu vào, hạn chế tối đa chất thải khí thải sẽ tiếp tục được Công ty phát huy sâu rộng. Phong trào này đã đem lại hiệu quả lớn cho Công ty không chỉ tiết kiệm chi phí làm tăng lợi nhuận mà còn cải thiện môi trường sản xuất.

Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường công tác thị trường tiêu thụ sản phẩm, luôn tiếp cận với người sử dụng cuối cùng, duy trì thị trường đã có, khai thác mở rộng thị trường mới, có chính sách linh hoạt, đa phương thức để nâng cao hơn về năng lực tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

Ngoài ra, nhân sự cũng được Công ty hết sức quan tâm. Công ty sẽ tiếp tục có những chính sách tạo điều kiện tốt nhất để các nhân viên phát huy năng lực và nâng cao trình độ.



## 9. Chính sách đối với người lao động

### ❖ Cơ cấu lao động trong Công ty

**Bảng 14: Cơ cấu lao động năm 2013**

Chỉ tiêu	Số lượng lao động bình quân dự kiến
<b>Phân theo giới tính</b>	<b>435</b>
- Nam	360
- Nữ	75
<b>Phân theo trình độ học vấn</b>	<b>435</b>
- Trình độ đại học trở lên	47
- Trình độ cao đẳng chuyên nghiệp	16
- Trình độ trung cấp chuyên nghiệp	40
- Lao động phổ thông	332
<b>Phân theo phân công lao động</b>	<b>435</b>
- Viên chức quản lý chuyên trách	4
- Viên chức quản lý không chuyên trách	9
- Lao động trực tiếp	422
Nguồn: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	



## ❖ Chính sách với người lao động

### **Chế độ làm việc**

Các CBCNV của Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình được quy định làm việc 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần, và phải đến trước giờ làm việc ít nhất 10 phút để chuẩn bị sản xuất, làm việc. Đối với lao động trực tiếp làm việc theo chế độ 3 ca khép kín:

- Ca 1: 6h đến 14h
- Ca 2: 14h đến 22h
- Ca 3: 22h đến 6h sáng hôm sau.

Đối với CBCNV thuộc diện lao động quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ ở văn phòng làm việc theo giờ hành chính:

- Sáng: 7h đến 11h30
- Chiều: 13h đến 16h30.

CBCNV có thể làm thêm giờ nhưng không quá 4 giờ/ngày, 200 giờ/năm. CBCNV được nghỉ việc và hưởng lương theo cấp bậc trong những ngày nghỉ lễ tết theo quy định của nhà nước như tết Dương lịch, Tết Âm lịch, ngày Giỗ Tổ Hùng Vương, ngày Chiến thắng, ngày Quốc tế lao động, ngày Quốc khánh.

Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

### **Chính sách đào tạo**

Các chính sách về đào tạo hàng năm luôn được Công ty chú trọng. Các khóa đào tạo về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ theo định kỳ hàng năm cho 100% nhân viên trực tiếp sản xuất, cán bộ quản lý các cấp, nhân viên phục vụ ở các lĩnh vực liên quan luôn được Công ty thực hiện đầy đủ.

Bên cạnh đó, Công ty cũng cử các cán bộ đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc ở tất cả các bộ môn quản lý có liên quan như: Công tác quản lý lao động tiền lương, nghiệp vụ văn phòng, thị trường, Tài chính Kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản, công nghệ môi trường, an toàn lao động, tham quan học tập ở nước ngoài.

Đối với các lao động trực tiếp, Công ty đào tạo nâng cao kiến thức lý thuyết và tay nghề và tổ chức dự thi nâng bậc lương hàng năm.



Tổng mức kinh phí cho công tác đào tạo nâng cao trình độ cho CBCNV lao động Công ty hàng năm đạt mức > 200 triệu đồng/năm.

**Tuyển dụng**

Để đảm bảo nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty ổn định và phát triển bền vững, Công ty đã xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực trong những năm tới. Thông qua việc tuyển dụng bổ sung và đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, CN kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ hàng năm và hàng kỳ, Công ty sắp xếp bố trí lao động làm việc ở các đơn vị hợp lý, nâng cao hiệu quả sử dụng lao động. Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo điều kiện thuận lợi nhất để người lao động phát huy được năng lực, trí tuệ của mình trong công tác, trong học tập, nghiên cứu, quản lý để góp phần nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.

**Chính sách thu hút nhân tài**

Các chế độ đãi ngộ đối với người lao động chính là chiến lược để thu hút nhân tài của Công ty. Công ty thực hiện chính sách về hưởng chế độ tiền lương, thưởng của Công ty cao hơn so với tiền lương cấp bậc do Nhà nước quy định. Các chính sách trên được Công ty phổ biến đến từng người lao động để thực hiện thông qua Thỏa ước lao động tập thể của Công ty và quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Công ty hàng năm, hàng kỳ được áp dụng thực hiện để người lao động luôn yên tâm lao động sản xuất, công tác gắn bó với Công ty.

**Chính sách lương và thưởng, thưởng, phúc lợi***Chính sách lương*

Đối với các CBCNV làm việc trực tiếp sản xuất được hưởng tiền lương theo khoán sản phẩm, khoán công việc, theo đơn giá định mức lao động của Công ty hàng năm và từng thời điểm.

Đối với các CBCNV làm việc gián tiếp hưởng theo lương thời gian ngày công làm việc thực tế trong tháng và theo năng suất lao động bình quân hàng tháng của toàn Công ty, ứng với hệ số phân phối được hưởng theo các chức danh quản lý, làm việc tại quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng, phân loại thi đua của Công ty hàng năm để thực hiện.

*Chính sách thưởng*

Công ty thực hiện chính sách lương, thưởng, phúc lợi nhằm động viên và thu hút lao động có kiến thức phù hợp đã được đào tạo vào làm việc tại Công ty.

Công ty áp dụng chính sách thưởng cho CBCNV bằng quỹ tiền lương của Công ty theo bình xét thi đua đơn vị, cá nhân hàng tháng. Ngoài ra Công ty còn thưởng cho CBCNV lao động có các đề tài khoa học, sáng kiến tiết kiệm mang lại giá trị làm lợi kinh tế cho Công ty, thông qua việc xét các đề tài đã được đăng ký và áp dụng thực hiện hàng năm như đã quy định.



Bên cạnh đó, Công ty còn trích quỹ khen thưởng phúc lợi để thưởng cho CBCNV vào các ngày Lễ, Tết như: Tết Dương lịch, Tết Âm lịch, ngày 01/5, ngày 02/9.

**Bảng 15: Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Dự tính năm 2013
Tổng chi phí lương và thưởng cả năm	37.682	40.080	36.875
Số lượng lao động bình quân trong kỳ	482	440	435
Thu nhập bình quân mỗi tháng	6,515	7,591	7,064

*Nguồn: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình*

#### **Các chế độ phụ cấp bảo hiểm xã hội:**

Tất cả các nhân viên chính thức của Công ty cổ phần phân lân Ninh Bình đều được hưởng các trợ cấp và đóng bảo hiểm xã hội phù hợp với Luật lao động. Thực hiện đầy đủ chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Người lao động được hưởng: Chế độ hưu trí, chế độ ốm đau, chế độ thai sản, chế độ tử tuất, chế độ TNLD và bệnh nghề nghiệp. Tham gia BHTN người lao động được hưởng trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề, hỗ trợ tìm việc.

#### **10. Chính sách cổ tức**

Cổ tức được chia từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của những năm tiếp theo. Tình hình trả cổ tức trong ba năm gần nhất của Công ty như sau:



Bảng 16: Tình hình trả cổ tức 3 năm gần nhất của Công ty

Năm	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	Hình thức
Năm 2010	80%	Tiền mặt
	50%	Cổ phiếu
Năm 2011	50%	Tiền mặt
Năm 2012	75%	Tiền mặt

*Nguồn: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình*

## 11. Tình hình hoạt động tài chính

### ❖ Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc hạch toán tài sản cố định: theo nguyên tắc giá gốc (nguyên giá).

Phương pháp trích khấu hao tài sản cố định được doanh nghiệp áp dụng thống nhất qua các năm.

Bảng 17: Chính sách trích khấu hao các loại tài sản

Tài sản	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-25
Máy móc, thiết bị	05-10
Thiết bị văn phòng và tài sản khác	03-10
Phương tiện vận tải	06-07

*Nguồn: Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình*

### ❖ Mức lương bình quân



Mức lương bình quân của Công ty năm 2013 ước đạt khoảng hơn 7 triệu đồng/người/tháng (xem chi tiết tại Bảng 15). Đây được xem là mức lương bình quân khá cao so với các doanh nghiệp khác cùng ngành trên địa bàn.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty luôn thực hiện thanh toán đúng và đầy đủ hạn các khoản nợ đến hạn.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn hoàn thành các khoản phải nộp đúng quy định. Công ty không nợ bất kỳ các nghĩa vụ tài chính nào đối với Nhà nước.

**Bảng 18: Số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/09/2013
Thuế thu nhập doanh nghiệp	146	7.411	971
Thuế tài nguyên	1,4	-	-
Thuế thu nhập cá nhân và thuế môn bài	930	-	5
Các loại thuế khác	541,6	-	
Các khoản phí phải nộp khác	-	546	558
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.619</b>	<b>7.957</b>	<b>1.534</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012; BCTC 9 tháng năm 2013*

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là Công ty cổ phần và theo Điều lệ Công ty. Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do HĐQT đề xuất và phải được ĐHĐCĐ thông qua.



Bảng 19: Số dư các quỹ năm 2011 và năm 2012 và 9 tháng đầu năm 2013

Đơn vị: triệu đồng

Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2011	31/12/2012	30/09/2013
Quỹ đầu tư phát triển	25.880	30.323	39.878
Quỹ dự phòng tài chính	11.584	13.805	17.479
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.070	443	795
<b>Tổng</b>	<b>39.534</b>	<b>44.571</b>	<b>58.152</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012; BCTC 9 tháng năm 2013

❖ **Tổng dư nợ vay**  
**Vay và nợ ngắn hạn**

Bảng 20: Tình hình vay và nợ ngắn hạn của Công ty giai đoạn từ năm 2011 đến 9 tháng đầu năm 2013

Đơn vị: triệu đồng

STT	Đối tượng	31/12/2011	31/12/2012	30/09/2013
1	Ngân hàng Nông Nghiệp & PTNT Ninh Bình	18.200	-	-
2	Ngân hàng ANZ Việt Nam	33.155	-	-
3	CTCP Tài chính Hóa chất Việt Nam	16.551	-	4.869
5	Các đối tượng khác (1)	22.876	54.480	27.659
6	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	145	90	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>90.927</b>	<b>54.570</b>	<b>32.528</b>





Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012; BCTC 9 tháng năm 2013

- (1) Đây là các khoản đặt cọc ngắn hạn có hưởng lãi suất từ khách hàng mua hàng của Công ty, lãi suất thay đổi theo từng thời điểm theo lãi suất của ngân hàng thương mại đơn vị đang giao dịch. Khoản vay này được đối trừ với tiền hàng khi đến hạn thanh toán tiền khách hàng mua hàng.

**Vay và nợ dài hạn**

**Bảng 21: Tình hình vay và nợ dài hạn của Công ty giai đoạn từ năm 2011 đến 9 tháng đầu năm 2013**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Đối tượng	31/12/2011	31/12/2012	30/09/2013
	Nợ thuê tài chính	-	252,5	252,5
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>252,5</b>	<b>252,5</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012; BCTC 9 tháng năm 2013

**Bảng 22: Chi tiết khoản vay dài hạn của Công ty tại thời điểm 30/09/2013**

Stt	Tổ chức tín dụng, ngân hàng	Mục đích	30/09/2013		Thời gian trả nợ gốc	Thời gian trả lãi
			Lãi suất	Dư nợ vay		
1	Công ty Cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Công Thương Việt Nam	Thuê tài chính tài sản là Ô tô Camry	Thả nổi theo công thức: Chi phí huy động vốn của Công ty Cho thuê tài chính + 4%	252.500.000	48 tháng	Hàng tháng

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012; BCTC 9 tháng năm 2013



## ❖ Tình hình công nợ hiện nay

**Bảng 23: Các khoản phải thu của Công ty  
qua các năm 2011, 2012 và 9 tháng đầu năm 2013**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/09/2013
Phải thu của khách hàng (1)	117.817	99.267	67.798
Trả trước cho người bán	1.781	2.307	1.422
Các khoản phải thu khác	148	591	616
Dự phòng khó đòi (2)	(700)	(15.562)	(15.562)
<b>Tổng các khoản phải thu</b>	<b>119.046</b>	<b>86.603</b>	<b>54.274</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012; BCTC 9 tháng năm 2013*

- (1) Do Công ty thay đổi chính sách bán hàng, ngừng bán chịu, bán đầu tư qua các hiệp hội, tổ chức đến khách hàng, chuyển hoàn toàn sang bán cho các đại lý thu tiền ngay nên số dư các khoản phải thu từ khách hàng giảm mạnh qua 3 năm. Hiện nay, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho các phải thu khó đòi.
- (2) Đây là dự phòng được trích lập cho các khoản phải thu khó đòi từ việc bán hàng cho khách hàng. Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.



**Bảng 24: Các khoản phải trả của Công ty  
qua các năm 2011, 2012 và 9 tháng đầu năm 2013**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/09/2013
Vay và nợ ngắn hạn	90.927	54.570	32.528
Phải trả cho người bán	48.471	11.975	19.932
Người mua trả tiền trước	2.555	858	1.004
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	1.619	7.957	1.534
Phải trả người lao động	15.290	17.767	10.864
Chi phí phải trả	3.377	11.960	17.908
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.251	1.090	1.921
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.070	443	795
Vay và nợ dài hạn	-	253	253
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	953	-	-
<b>Tổng các khoản phải trả</b>	<b>167.513</b>	<b>106.871</b>	<b>86.761</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012; BCTC 9 tháng năm 2013*



## ❖ Hàng tồn kho

**Bảng 25: Hàng tồn kho của Công ty  
qua các năm 2011, 2012 và 9 tháng đầu năm 2013**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/09/2013
Hàng tồn kho	198.201	158.434	188.451
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-
<b>Số dư hàng tồn kho</b>	<b>198.201</b>	<b>158.434</b>	<b>188.451</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012; BCTC 9 tháng năm 2013*

Do đặc điểm tiêu thụ phân bón 1 năm có 2 vụ: Vụ Đông xuân (thời gian tiêu thụ từ tháng 12 năm trước đến hết tháng 2 năm sau); Vụ Hè thu (thời gian tiêu thụ từ tháng 6 đến hết tháng 7 hàng năm); thời gian lấy hàng của mỗi vụ tập trung trong vòng 2 tháng vì vậy để chủ động chân hàng kịp thời đáp ứng nhu cầu về hàng hóa phục vụ khách hàng khi vào vụ Công ty phải dự trữ vật tư và hàng hóa để sản xuất và kịp thời cung ứng sản phẩm khi khách hàng có nhu cầu chính vì vậy số dư giá trị hàng tồn kho tại thời điểm cuối quý III và cuối năm là tương đối cao.

Vì lượng hàng tồn kho của Công ty tăng cao vào những tháng cuối năm nên không tránh khỏi rủi ro về việc hàng tồn bị hư hỏng, giảm giá. Năm 2009, 2010, Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng là 18.720 triệu đồng và 21.305 triệu đồng. Các Khoản dự phòng này được hoàn nhập trong năm 2010 và 2011.

Tuy nhiên, từ năm 2011 đến nay, Công ty đã có những biện pháp bảo quản hàng hóa tốt hơn, giảm thiểu tỷ lệ hàng hóa hư hỏng đồng thời hàng tồn kho luân chuyển nhanh nên Công ty không gặp rủi ro giảm giá hàng tồn kho, do đó trong năm 2011, 2012 Công ty không thực hiện trích lập dự phòng khoản mục này.



## ❖ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu qua các năm được trình bày qua bảng dưới đây:

**Bảng 26: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,02	2,71
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,83	1,23
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,46	0,35
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,87	0,53
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,30	3,09
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	2,23	2,30
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,78	8,27
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	29,39	32,27
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	17,35	19,04
- Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	8,80	10,30

**12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng****❖ Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị	
Ông Phạm Mạnh Ninh	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Hồng Sơn	Ủy viên HĐQT
Ông Dương Như Đức	Ủy viên HĐQT
Ông Hà Huy San	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Ủy viên HĐQT

**▪ Ông Phạm Mạnh Ninh**

Họ và tên:	Phạm Mạnh Ninh
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	13/06/1966
Số CMTND/Hộ chiếu:	161982746, ngày cấp: 24/09/2013, nơi cấp: CA Tỉnh Ninh Bình
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Đình Xá, Bình Lục, Hà Nam
Địa chỉ thường trú:	Phố 8, Phường Đông Thành, TP Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình
Số Điện thoại liên lạc:	030.3610863



Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
8/1991 - 12/1995	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Cán bộ Phòng Kinh tế
1/1996 - 7/1997	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Phó phòng Kinh tế - Phụ trách Phòng Kinh doanh
8/1997 - 3/2000	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Trưởng phòng Kinh doanh
4/2000 - 6/2003	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Phó Giám đốc
7/2003 - 2/2004	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Quyền Giám đốc
3/2004 - 12/2004	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Giám đốc
1/2005 - đến nay	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết : Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm: 20/12/2013) 4.300.212 cổ phần chiếm 41,00%, trong đó:  
Đại diện sở hữu: 3.251.442 cổ phần, chiếm 31 % vốn điều lệ (của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam).  
Sở hữu cá nhân: 1.048.770 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.

Hành vi vi phạm pháp luật Không



Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
Số cổ phần của những người có liên quan	Vợ Lê Thị Lan Anh nắm giữ 19.666 cổ phần, tương đương với 0,19% vốn điều lệ.

▪ **Ông Phạm Hồng Sơn**

Họ và tên	Phạm Hồng Sơn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/05/1972
Số CMTND/Hộ chiếu	161852369, ngày cấp: 29/08/2007, nơi cấp: CA Tỉnh Ninh Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Ninh Mỹ, Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình
Địa chỉ thường trú	Phường Đông Thành, TP Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình
Số điện thoại liên lạc	0912273835
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư
Quá trình công tác	

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
5/1995 - 7/1996	Công ty Cổ phần Phân lân	Công nhân





	Ninh Bình	
8/1996 - 2/2000	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Nhân viên Phòng Kỹ thuật
3/2000 - 12/2002	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Trưởng phòng Kỹ thuật
1/2003 - đến nay	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Phó Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết :	Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó giám đốc Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không	
Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm: 20/12/2013)	1.183.374 cổ phần chiếm 11,28 % vốn điều lệ, trong đó:  Đại diện sở hữu: 1.048.755 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ (của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam).  Sở hữu cá nhân: 134.619 cổ phần, chiếm 1,28% vốn điều lệ.	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	
Số cổ phần của những người có liên quan	Vợ Hoàng Mỹ Hạnh sở hữu: 101.388 cổ phần, chiếm 0,97% vốn điều lệ  Em ruột Phạm Hồng Thái sở hữu: 11.431 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ.	

▪ Ông Dương Như Đức



Họ và tên:	Dương Như Đức
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	03/12/1980
Số CMTND/Hộ chiếu:	164086080, nơi cấp: Công an Ninh Bình, ngày cấp 10/10/2010
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Phường Phúc Thành, TP Ninh Bình
Địa chỉ thường trú:	Phường Phúc Thành, TP Ninh Bình
Số điện thoại liên lạc	(030)3610862
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng
Quá trình công tác :	

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
12/2003 – 6/2005	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Nhân viên phòng Tài chính kế toán
7/2005 – 5/2006	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Phó phòng Tài chính kế toán
6/2006 – 2/2011	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Quyền Trưởng phòng Tài chính kế toán - Phụ trách tài chính
3/2011 – nay	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Trưởng phòng Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng



Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết:	Ủy viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm: 20/12/2013)	1.050.942 cổ phần chiếm 10,02 % vốn điều lệ, trong đó: Đại diện sở hữu: 1.048.755 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ (của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Sở hữu cá nhân: 2.187 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
Số cổ phần của những người có liên quan	Không

▪ **Ông Hà Huy San**

Họ và tên:	Hà Huy San
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	26/10/1963
Số CMTND/Hộ chiếu:	161260880, ngày cấp: 18/04/2002, nơi cấp: CA Tỉnh Ninh Bình
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Ninh Nhất, TP Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình
Địa chỉ thường trú:	Phố Phúc Thiện, Phường Phúc Thành, TP Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình



Số điện thoại liên lạc 0912464954

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1984 - 1991	Nhà máy xe lửa Gia Lâm - Hà Nội - Thuộc Bộ Giao thông Vận tải	Kỹ thuật viên
1991 - 1995	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Nhân viên phòng kỹ thuật
1995 - 2003	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Phó phòng kỹ thuật
2003- đến nay	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Trưởng phòng kỹ thuật

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết : Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Trưởng phòng kỹ thuật

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm: 20/12/2013) Sở hữu cá nhân: 46.405 cổ phần, chiếm 0,44% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

Số cổ phần của những người có liên quan Vợ Nguyễn Thị Đoàn sở hữu: 14.062 cổ phần, chiếm 0,13 % vốn điều lệ

▪ **Ông Nguyễn Ngọc Thạch**



Họ và tên: Nguyễn Ngọc Thạch

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 19/09/1963

Số CMTND/Hộ chiếu: 164184799, ngày cấp: 25/7/2012, nơi cấp: CA Tỉnh Ninh Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Yên Bằng, Ý Yên, Nam Định

Địa chỉ thường trú: Phường Bích Đào, T/p Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình

Số điện thoại liên lạc: 0913292072

Trình độ văn hóa: 12/12

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1979 - 1986	Đi bộ đội	
1986 - 1989	Công ty Xây lắp Hóa chất Việt Nam	Cán bộ
1989 - nay	Công ty TNHH Hoàng Ngân	Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết :	Ủy viên Hội đồng Quản trị	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giám đốc Công ty TNHH Hoàng Ngân</li><li>- Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển</li></ul>	



Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm: 20/12/2013)	1.134.484 cổ phần chiếm 10,82% vốn điều lệ, trong đó: Đại diện sở hữu: 1.134.484 cổ phần, chiếm 10,82% vốn điều lệ (của Công ty TNHH Hoàng Ngân).
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
Số cổ phần của những người có liên quan	Không

❖ **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc	
Ông Phạm Mạnh Ninh	Giám đốc
Ông Phạm Hồng Sơn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Chi	Phó giám đốc

▪ **Ông Phạm Mạnh Ninh**

Như trình bày tại mục trên

▪ **Ông Phạm Hồng Sơn**

Như trình bày tại mục trên

▪ **Ông Nguyễn Ngọc Chi**

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Chi

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 14/10/1968



Số CMTND/Hộ chiếu: 161982786. Ngày cấp: 17/ 03/2009. Nơi cấp:  
CA Tỉnh Ninh Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Trực Thanh, Trực Ninh, Nam Định.

Địa chỉ thường trú: Số 24, Đường Lý Thường Kiệt, Phường Nam  
Bình, TP Nam Bình.

Số điện thoại liên lạc 0912826020

Trình độ văn hóa 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa vô cơ phân bón

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
11/1989 - 11/2003	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Công nhân
2/2003 - 11/2004	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Nhân viên phòng kỹ thuật
12/2004 - 11/2005	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Phó phòng kỹ thuật
12/2005 - 4/2010	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Quản đốc
5/2010 – 5/2012	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Phó giám đốc kiêm Quản đốc
6/2012 – nay	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Phó giám đốc kiêm Trưởng phòng TCHC

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Phó giám đốc, Trưởng phòng TCHC, Chủ tịch Công đoàn



Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm: 20/12/2013)	Sở hữu cá nhân 28.474 cổ phần chiếm 0,27% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
Số cổ phần của những người có liên quan	Vợ Lê Thị Thục sở hữu: 10.756 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ.

**❖ Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát	
Bà Nguyễn Thị Xuân Quyên	Trưởng ban
Ông Vũ Cao Trung	Thành viên
Bà Phạm Thị Hằng	Thành viên

**▪ Bà Nguyễn Thị Xuân Quyên**

Họ và tên:	Nguyễn Thị Xuân Quyên
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	26/7/1975
Số CMTND/Hộ chiếu:	012718524. Ngày cấp: 10/9/2004. Nơi cấp: CA Thành phố Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam





Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Thái Bình
Địa chỉ thường trú:	P202 CC Ngân hàng Nông nghiệp Cầu Giấy, Ngõ 106/14 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.
Số điện thoại liên lạc	0917509986
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác :	

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1997 - nay	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết	Trưởng ban Kiểm Soát	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán – Tập đoàn Hóa chất Việt Nam</li><li>- Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Phát triển phụ gia và sản phẩm dầu mỏ</li></ul>	
Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 20/12/2013)	Sở hữu cá nhân: 300 cổ phần	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	
Số cổ phần của những người có liên	Không	



quan

▪ **Ông Vũ Cao Trung**

Họ và tên: Vũ Cao Trung

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 11/11/1980

Số CMTND/Hộ chiếu: 164028814. Ngày cấp: 01/04/2009,  
Nơi cấp: CA Tỉnh Ninh Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Ninh Khánh, Hoa Lư, Ninh Bình

Địa chỉ thường trú: Phường Tân Thành, TP Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình

Số điện thoại liên lạc: 0912861105

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
3/2004 - 4/2008	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Nhân viên Phòng Kinh doanh
5/2008 – 12/2011	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Phó phòng Kinh doanh
1/2012 - nay	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Phụ trách phòng Kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm Soát, Phụ trách phòng kinh doanh



Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm: 20/12/2013) Không

■ **P** Hành vi vi phạm pháp luật Không

**h** Các khoản nợ đối với Công ty Không

**a** Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

**T** Số cổ phần của những người có liên h  
quan

**!**  
**Bà Phạm Thị Hằng**

Họ và tên: Phạm Thị Hằng

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 06/01/1979

Số CMTND/Hộ chiếu: 162236826. Ngày cấp: 29/9/1996. Nơi cấp:  
CA Tỉnh Nam Hà

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đình Xá, Bình Lục, Hà Nam

Địa chỉ thường trú: SN 2, tổ 14, phường Minh Khai, TP Phủ Lý,  
tỉnh Hà Nam

Số điện thoại liên lạc 0916723155

Trình độ văn hóa 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện tử viễn thông



Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
23/04/2004 - nay	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Nhân viên phòng Tổ chức hành chính

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát, nhân viên phòng Tổ chức hành chính

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm: 20/12/2013) Không

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

Số cổ phần của những người có liên quan Không

❖ **Kế toán trưởng**

**Ông Dương Như Đức**

Như trình bày tại mục trên



## 13. Tài sản

Bảng 27: Tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2012

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>		<b>52.625</b>	<b>33.862</b>	<b>18.763</b>	
1	Máy móc thiết bị	12.921	11.528	1.393	10,78
2	Phương tiện vận tải	11.189	7.598	3.591	32,09
3	Nhà cửa, VKT	24.086	11.699	12.387	51,42
4	TSCĐ dùng trong quản lý	4.163	2.984	1.179	28,32
5	TSCĐ khác	265	53	212	80
<b>Tài sản cố định vô hình</b>		<b>60</b>	<b>60</b>	<b>-</b>	
1	Phần mềm kế toán	60	60	-	-
<b>Tài sản cố định thuê tài chính</b>		<b>682</b>	<b>41</b>	<b>641</b>	
1	Tài sản cố định thuê tài chính	682	41	641	93,98

Nguồn: Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình



Bảng 28: Tài sản của Công ty tại thời điểm 30/09/2013

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>		<b>55.067</b>	<b>36.975</b>	<b>18.092</b>	
1	Máy móc thiết bị	15.079	11.902	3.177	21,06
2	Phương tiện vận tải	11.189	8.376	2.813	25,14
3	Nhà cửa, VKT	24.351	13.408	10.943	44,93
4	TSCĐ dùng trong quản lý	4.448	3.289	1.159	26,05
<b>Tài sản cố định vô hình</b>		<b>60</b>	<b>60</b>	<b>-</b>	
1	Phần mềm kế toán	60	60	-	-
<b>Tài sản cố định thuê tài chính</b>		<b>682</b>	<b>126</b>	<b>556</b>	
1	Tài sản cố định thuê tài chính	682	126	556	81,52

Nguồn: Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình



Bảng 29: Tình hình đất đai đến thời điểm báo cáo

STT	Địa điểm	Diện tích (m2)	Thời gian bắt đầu thuê	Thời hạn (năm)	Loại hình
1	Ninh an- Hoa Lư- Ninh Bình	113.746,5	01/01/2006	39	Mặt bằng SX
2	Ninh An- Hoa Lư- Ninh Bình	2.527	24/01/2006	41	Mặt bằng SX
3	Ninh An- Hoa Lư- Ninh Bình	4.149	7/2010	38	Mặt bằng SX
4	Ninh Vân- Hoa Lư- Ninh Bình	20.746	01/01/1996	49	Khu ở CBCNV
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>141.168,5</b>			

Nguồn: Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình

#### 14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Bảng 30: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	% so với năm 2012	Giá trị	% so với năm 2013
Vốn điều lệ (*)	104.876	50%	104.876	0%
Doanh thu thuần	720.000	-6,53%	690.000	-4,17%
Lợi nhuận sau thuế	48.800	-23,39%	41.600	-14,75%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,78%	-	6,03%	-
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	46,53%	-	39,67%	-
Cổ tức (tỷ lệ trên Vốn điều lệ)	30%	-	30%	-

Nguồn: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình



(\*) *Nghị quyết ĐHĐCĐ Bất thường lần 1 năm ngày 28/11/2013 của Công ty đã thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 2:1. Hiện nay, đợt phát hành đã hoàn thành và Công ty đã thực hiện báo cáo UBCKNN theo quy định.*

Theo báo cáo kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2013, doanh thu thuần đạt 576,2 tỷ đồng, hoàn thành 74,81% kế hoạch doanh thu cả năm; lợi nhuận sau thuế đạt 35,3 tỷ đồng, hoàn thành 72,34% kế hoạch cả năm. Tuy nhiên, Công ty hoàn toàn tin tưởng vào khả năng hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2013, vì cuối năm là thời điểm bắt đầu mùa vụ nên dự báo doanh thu và lợi nhuận sẽ tăng mạnh.

Việc đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế giảm năm 2013 so với 2012 và 2014 giảm so với 2013 là do Công ty đã lường trước được việc cạnh tranh khó khăn trên thị trường phân lân nung chảy nói riêng khi đón nhận thêm 1 nhà máy công suất 330.000 tấn/năm phân lân nung chảy của Công ty Cổ phần Supe Phốt phát Lâm Thao; cũng như sự cạnh tranh ngày càng mạnh của phân bón Trung Quốc nhập qua đường tiểu ngạch. Công ty đang thực hiện đẩy mạnh quảng bá thương hiệu, giữ vững chất lượng sản phẩm, và tăng cường phát triển sản phẩm mới để có thể đối phó với tình hình khó khăn trước mắt. Tuy nhiên, trong khi tác dụng của các biện pháp còn phải đợi trong thời gian dài để có thể có ảnh hưởng tích cực đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty, trong khi các ảnh hưởng tiêu cực lại ảnh hưởng đến công ty trong thời gian gần.

#### ❖ **Căn cứ thực hiện**

Kế hoạch của Công ty được xây dựng dựa trên năng lực hiện tại, các hợp đồng đã được ký kết, những nhận định đánh giá về thị trường và tiềm năng phát triển của Công ty trong tương lai.

#### ***Xét về năng lực***

Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình là đơn vị có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất phân lân nung chảy và phân lân NPK.

Mặc dù giá phân bón trong nước năm 2013 có xu hướng giảm cùng với giá thế giới nhưng từ năm 2008 đến nay vẫn liên tục tăng. Với nhà máy có công suất lớn, năng lực sản xuất ổn định, luôn đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng về cả số lượng lẫn chất lượng của khách hàng trong nước và thị trường xuất khẩu, Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình hoàn toàn có thể đạt được những mục tiêu tăng trưởng đã đề ra.

#### ***Xét về tiềm năng và cơ hội phát triển***

Sau khi gia nhập WTO, quan hệ hợp tác kinh tế thương mại với các nước trên thế giới cũng đã được mở rộng. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các mặt hàng xuất khẩu nông sản, từ đó nhu cầu về phân bón sẽ tăng theo.

Mặc dù khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng sâu rộng đến các nền kinh tế trên thế giới nhưng trong những tháng gần đây, nền kinh tế đã có dấu hiệu hồi phục, sức cầu đã được cải thiện hơn, trong đó có cả ngành nông nghiệp và xuất khẩu nông sản. Theo báo cáo định hướng phát triển ngành trồng trọt đến năm 2015





và nhu cầu phân bón các loại của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất trồng trọt bình quân hàng năm đạt 2,7%, giá trị xuất khẩu tăng 6,5%-7,5%/năm. Tăng trưởng của ngành nông nghiệp là cơ sở để ngành phân bón phát triển.

Trong những năm gần đây nhu cầu và thị hiếu của thị trường đã có sự thay đổi lớn. Phân đa lượng như phân lân nung chảy, phân NPK, phân DAP đang có xu hướng sử dụng tăng lên còn phân Urê đang có chiều hướng giảm trong cơ cấu phân bón sử dụng của nước ta hàng năm. Vì vậy sức tiêu thụ của sản phẩm phân NPK của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng.

Theo báo cáo của Hiệp hội phân bón Việt Nam, phân lân nung chảy có tiềm năng và giá trị rất lớn, nhưng trong thời gian vừa qua Việt Nam đã lãng quên vai trò của nó. Tuy nhiên định hướng phát triển đến năm 2015-2020 của Hiệp hội phân bón Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển loại phân này, dự kiến công suất tổng lượng phân lân nung chảy sẽ đạt khoảng 1.300.000 – 1.500.000 tấn/năm.

Dựa trên những căn cứ trên nếu không có các tác động về ngoại cảnh thì kế hoạch doanh thu – lợi nhuận của Công ty hoàn toàn có thể thực hiện được.

❖ **Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT thông qua**

**Bảng 31: Kế hoạch đầu tư và thực hiện dự án năm 2013**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Tên dự án	Kế hoạch giải ngân	Thực hiện giải ngân đến tháng 12/2013
1	Mua 1 máy biến thế 1000KVA 35/0,4KV	1.000	-
2	Đầu tư hệ thống lọc bụi tay áo hệ đóng bao lân	700	646
3	Đầu tư hệ thống lọc bụi tay áo hệ sấy lân 1	1.300	1.181

Dự kiến trong năm 2014, Công ty có kế hoạch đầu tư hai dự án lớn là dây chuyền nghiền lân năng suất 30 tấn/giờ (trị giá 17 tỷ đồng) và đầu tư nâng cấp giai đoạn 1 dây chuyền vè viên NPK từ 25.000 tấn/năm lên 50.000 tấn/năm (trị giá 5 tỷ đồng). Chi tiết kế hoạch đầu tư dự án năm 2014 như sau:

**Bảng 32: Kế hoạch đầu tư dự án năm 2014***Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Tên dự án	Kế hoạch giải ngân
1	Mua 1 máy nâng hàng	500
2	Mua 1 máy gặt	2.500
3	Đầu tư dây chuyền nghiền lân (tăng công suất)	17.000
4	Đầu tư nâng cấp giai đoạn 1 dây chuyền vè viên NPK	5.000

Dự án đầu tư dây chuyền nghiền lân sẽ tăng công suất sản xuất phân lân, dự kiến được thực hiện và hoàn thành trong năm 2014.

Giai đoạn 2 của dự án đầu tư nâng cấp dây chuyền vè viên NPK dự kiến được thực hiện trong năm 2015.

#### **15. Đánh giá của Tổ chức Tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Dưới góc độ là nhà tư vấn chuyên nghiệp, Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội (SSI) đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Chúng tôi nhận thấy Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, Ban lãnh đạo và đội ngũ quản lý có bản lĩnh và năng động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua tương đối tốt.

Tăng trưởng của Việt Nam dự kiến đạt 5,4% trong năm 2013<sup>6</sup>. Trước tình hình khả quan về tốc độ tăng trưởng của ngành và những lợi thế riêng có, Công ty đã chủ động nắm bắt các cơ hội kinh doanh và đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, nâng cao trình độ quản lý và tay nghề của công nhân viên.

Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà công ty đã đề ra trong năm 2013 và năm 2014 là khả thi. Kế hoạch chi trả cổ tức của Công ty vừa bảo đảm được mức lợi tức cho cổ đông vừa đảm bảo nguồn lợi nhuận để lại nhằm tiếp tục tái đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

<sup>6</sup> Theo Báo cáo của Chính phủ về tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2013 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014



Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

**16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

*Không có*

**17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết**

Tháng 12 năm 2011, Công ty phát hiện ra trường hợp nhân viên kinh doanh Nguyễn Văn Thương cố tình không thực hiện đúng các quy định của Công ty trong việc đăng ký, giao nhận phân bón, thu tiền bán hàng: Lấy danh nghĩa các đơn vị ký hợp đồng mua phân bón với Công ty để đăng ký lấy phân bón mang bán cho các khách hàng không ký hợp đồng với Công ty; thu tiền bán hàng không kịp thời nộp về Công ty mà giữ lại sử dụng cho bản thân; kẹp lẫn biên bản xác nhận công nợ trong các văn bản của Công ty có liên quan đến khách hàng như các hợp đồng, phụ lục hợp đồng làm cho khách hàng không để ý số liệu mà ký vào biên bản xác nhận công nợ với Công ty nhưng thực tế khách hàng trên không còn nợ. Khi Công ty đi kiểm tra, đối chiếu nợ với các khách hàng đã phát hiện ra vụ việc với số tiền chênh lệch, thất thoát là: 12.429.501.550 đồng. Ngay sau đó, Công ty đã trình báo với cơ quan Công an.

Ngày 23/8/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã xét xử và tuyên bố Nguyễn Văn Thương phạm tội “tham ô tài sản” và yêu cầu bồi thường toàn bộ thiệt hại 12.429.501.550 đồng cho Công ty. Đến nay, Nguyễn Văn Thương đã bồi thường được 981.043.750 đồng. Số tiền còn lại Công ty sẽ tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành thu hồi.

Về thiệt hại của vụ việc, Công ty đã trích lập toàn bộ dự phòng của khoản nợ phải thu trên và ghi vào chi phí hoạt động kinh doanh năm 2012. Với số tiền tiếp tục thu được từ Nguyễn Văn Thương, Công ty sẽ hoàn nhập lại vào Thu nhập khác



## V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

### 1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

### 2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

### 3. Mã chứng khoán

NFC

### 4. Tổng số chứng khoán niêm yết:

10.487.551 cổ phiếu

### 5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 12 tháng kể từ ngày niêm yết
1	Phạm Mạnh Ninh	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	1.048.770	524.385
2	Phạm Hồng Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	134.619	67.310
3	Hà Huy San	Thành viên HĐQT	46.405	23.203
4	Dương Như Đức	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	2.187	1.094
5	Nguyễn Ngọc Chi	Phó Giám đốc	28.474	14.237
6	Nguyễn Thị Xuân Quyên	Trưởng Ban Kiểm soát	300	150
7	Công ty TNHH Hoàng Ngân		1.134.484	567.242
	<b>Đại diện:</b> Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên HĐQT		



## TỔNG CỘNG

2.395.239

1.197.621

## 6. Giá trị sổ sách của cổ phiếu

Giá trị sổ sách của cổ phiếu NFC tại các thời điểm là 31/12/2011, 31/12/2012 và 30/09/2013 như sau:

**Bảng 33: Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình**

Tổng vốn chủ sở hữu (A)	192.872.765.811	201.910.328.041	198.742.582.099
Số lượng cổ phần đang lưu hành (B)	6.991.739	6.991.739	6.991.739
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (C) = (A)/(B)	27.585	28.878	28.425

## 7. Phương pháp tính giá

Giá cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định dựa trên các phương pháp tính giá khác nhau. Trong đó, phương pháp so sánh là phương pháp xác định giá trị của cổ phiếu dựa trên cơ sở giá cổ phiếu của các doanh nghiệp khác (doanh nghiệp so sánh) có mô hình kinh doanh, quy mô, mức độ tăng trưởng, v...v.. tương tự với doanh nghiệp thông qua một số chỉ số thích hợp. Hai hệ số được sử dụng để định giá cổ phiếu Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình là:

- Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân của mỗi cổ phần: Price/Earnings (P/E);
- Hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách của mỗi cổ phần: Price/Book Value (P/B).

Dựa trên giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường và các chỉ tiêu về mức sinh lời bình quân mỗi cổ phần (EPS) và giá trị sổ sách (Book value) của các doanh nghiệp so sánh, các hệ số P/E và P/B trung bình được tính toán. Từ đó:

Giá trị của cổ phiếu NFC = P/E trung bình x EPS (NFC)

Hoặc:

Giá trị của cổ phiếu NFC = P/B trung bình x Book value (NFC)

*Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.*

**8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty cổ phần phân lân Ninh Bình theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong công ty cổ phần đăng ký giao dịch hoặc niêm yết, cụ thể là tỷ lệ nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu theo Quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng chính phủ.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại Công ty đến ngày 20/12/2013 là 0 cổ phiếu.

**9. Các loại thuế có liên quan**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty chịu mức thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời gian 10 năm từ năm 2005 đến năm 2015. Sau đó, mức thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ theo mức thuế suất hiện hành.
- Thuế giá trị gia tăng: Công ty áp dụng mức thuế suất giá trị gia tăng là 5%.
- Thuế môn bài: Công ty chịu mức thuế môn bài bậc 1 là 3 triệu đồng/năm.
- Ngoài ra, Công ty còn chịu thuế tài nguyên nước, phí sử dụng đất phi nông nghiệp, và phí bảo vệ môi trường.
- Thuế chuyển nhượng chứng khoán: Nhà đầu tư phải nộp thuế chuyển nhượng chứng khoán dưới một trong hai hình thức: 20% thu nhập tính thuế hoặc 0,1% giá chuyển nhượng.



## **VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**

### **1. Tổ chức tư vấn**

#### **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI**

Địa chỉ: Số 1C Ngô Quyền – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3936 6321

Fax: (84.4) 3936 6318

Website: [www.ssi.com.vn](http://www.ssi.com.vn)

### **2. Tổ chức kiểm toán**

#### **CÔNG TY TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình – Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 38689 566/88

Fax: (84.4) 38686 248

Website: [www.kiemtoanava.com.vn](http://www.kiemtoanava.com.vn)



---

## **VII. PHỤ LỤC**

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- 2. Phụ lục II:** Điều lệ Công ty ;
- 3. Phụ lục VI:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011, năm 2012;
- 4. Phụ lục VII:** Báo cáo tài chính 9 tháng năm 2013.





ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT  
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM GIÁM ĐỐC



**Phạm Mạnh Ninh**

KẾ TOÁN TRƯỞNG

**Dương Như Đức**

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

**Nguyễn Thị Xuân Quyên**

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI  
GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ KHU VỰC PHÍA BẮC



**Nguyễn Ngọc Anh**